Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-10-16 13:55:25 +07:00

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 312/NQ-CP	*Hà Nội, ngày 05 tháng 10 năm 2026*

NGHỊ QUYẾT
Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 191/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ;

Trên cơ sở thảo luận của các Thành viên Chính phủ, ý kiến các đại biểu dự họp và kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại Phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 9 năm 2026 và Hội nghị trực tuyến Chính phủ với địa phương, tổ chức vào ngày 03 tháng 10 năm 2026.

QUYẾT NGHỊ:

Trong tháng 9, quý III và 09 tháng đầu năm 2026, tình hình thế giới diễn biến nhanh, rất phức tạp, khó lường; cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn tiếp tục diễn ra gay gắt; xung đột quân sự giữa Mỹ và Iran bùng nổ làm ngưng trệ tuyến vận tải chiến lược về dầu mỏ toàn cầu, gây gián đoạn nguồn cung, đẩy giá dầu tăng cao; thị trường tài chính, tiền tệ tiềm ẩn yếu tố rủi ro. Các thách thức an ninh phi truyền thống gia tăng, thiên tai, biến đổi khí hậu xảy ra tại nhiều khu vực, tác động đến phát triển bền vững, ổn định kinh tế - xã hội của nhiều quốc gia.

Ở trong nước, năm 2026 là năm đầu tiên triển khai Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, có ý nghĩa quan trọng và tạo nền tảng, tạo đà, tạo thế, tạo lực cho giai đoạn phát triển mới và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh tình hình thế giới có rất nhiều diễn biến phức tạp, khó khăn, khó dự báo và khó lường. Dưới sự lãnh đạo toàn diện của Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp, thường xuyên là Bộ Chính trị, Ban Bí thư, đứng đầu là Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm; sự đồng hành, phối hợp chặt chẽ của Quốc hội và các cơ quan trong hệ thống chính trị; sự chung sức, đồng lòng của Nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp; Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã tập trung chỉ đạo xây dựng, ban hành 32 Chương trình hành động để triển khai kịp thời, đồng bộ Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trọng tâm là các quyết sách chiến lược tại Hội nghị Trung ương 2, Hội nghị Trung ương 3, trong đó có Kết luận số 18-KL/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW về đổi mới mô hình phát triển Việt Nam, 11 Nghị quyết chuyên đề về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, giáo dục, y tế, văn hóa, du lịch, ngoại giao, kinh tế…; các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XVI thông qua từ đầu nhiệm kỳ đến nay; biến quyết tâm chính trị thành kết quả cụ thể, thực chất.

Tiếp tục nắm chắc tình hình, điều hành thực hiện nhiệm vụ thường xuyên; chú trọng giải quyết vấn đề tồn đọng, kéo dài; chủ động ứng phó nhanh chóng, hiệu quả vấn đề cấp bách phát sinh. Nhờ đó, kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại tháng 9 và 09 tháng đầu năm 2026 của nước ta đạt nhiều kết quả quan trọng, tốt hơn tháng trước và cùng kỳ năm trước.

I. Về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tháng 9 và 09 tháng năm 2026

Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, duy trì đà tăng trưởng cao, các động lực truyền thống được phát huy, nhiều điểm nghẽn được khơi thông, các động lực mới bước đầu được tập trung thúc đẩy gắn với chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao năng suất, chất lượng, sức cạnh tranh của nền kinh tế, tạo nền tảng cho đổi mới mô hình phát triển, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm. Tăng trưởng kinh tế (GDP) quý III ước tăng 9,95% so với cùng kỳ, tính chung 09 tháng tăng 9,01%. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đánh giá cao nỗ lực của các địa phương, nhất là các địa phương tăng trưởng vượt bậc trong quý III để đóng góp vào tăng trưởng chung của cả nước như: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Hải Phòng, Bắc Ninh, Đà Nẵng, Đồng Nai, Ninh Bình, Khánh Hòa, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Ngãi, Cần Thơ, Tây Ninh, An Giang, Điện Biên, Quảng Trị, Lai Châu… Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân 09 tháng tăng 4,52% so với cùng kỳ. Thị trường tiền tệ, tỷ giá cơ bản ổn định, bảo đảm thanh khoản hệ thống các tổ chức tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế. Thu ngân sách nhà nước 09 tháng đạt 2,19 triệu tỷ đồng, bằng 86,5% dự toán, tăng 12,1% so với cùng kỳ trong khi đã miễn, giảm, gia hạn thuế, phí… khoảng 245,6 nghìn tỷ đồng; đáp ứng nhiệm vụ chi phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, chế độ, chính sách theo quy định. Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu tháng 9 đạt gần 117,7 tỷ đô la Mỹ (USD), tăng 7,3% so với tháng trước, 09 tháng đạt 888 tỷ USD, tăng 30,4% so với cùng kỳ; tháng 9 đổi chiều xuất siêu 1,27 tỷ USD sau nhiều tháng nhập siêu. Thị trường chứng khoán Việt Nam chính thức được nâng hạng lên thị trường mới nổi thứ cấp. Giải ngân vốn đầu tư công có nhiều chuyển biến; đến hết tháng 9 ước đạt gần 643 nghìn tỷ đồng, đạt 63% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, cao hơn so với cùng kỳ khoảng 13% về tỷ lệ và 202,6 nghìn tỷ đồng về số tuyệt đối.

Các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế đạt kết quả tích cực. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 9 tăng 16,65% so với cùng kỳ, cao nhất từ năm 2015 đến nay, tính chung 09 tháng tăng 12,3%, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 12,9%. Chỉ số Nhà quản trị mua hàng (PMI) tháng 9 đạt 51,9 điểm. Tập trung đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ, hiện đại; hoàn thành thêm 395 km đường bộ cao tốc, đưa vào khai thác toàn tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông, khởi công đồng loạt 5 tuyến đường sắt đô thị, đóng điện 116 công trình lưới điện 110 - 500kV… Triển khai sản xuất xăng sinh học, duy trì giá xăng dầu ở mức thấp so với khu vực; không tăng giá điện; an ninh năng lượng được giữ vững. Quyết liệt tháo gỡ các dự án tồn đọng kéo dài; từ tháng 4 đến tháng 9 năm 2026, đã hoàn thành tháo gỡ thêm 2.535 dự án (tổng diện tích đất là 86,6 nghìn ha, tổng mức đầu tư trên 1,69 triệu tỷ đồng), nâng tổng số dự án được tháo gỡ lên 3.557 dự án; 855

dự án đưa vào khai thác, sử dụng (tổng diện tích đất là 19,35 nghìn ha, tổng mức đầu tư 322,8 nghìn tỷ đồng); Quốc hội đã ban hành Nghị quyết tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các dự án điện năng lượng tái tạo; cơ bản hoàn thành điều chỉnh quy hoạch vùng, quy hoạch sử dụng đất quốc gia…

Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,02%, bảo đảm an ninh lương thực quốc gia, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và xuất khẩu; kim ngạch xuất khẩu nông, lâm, thủy sản ước đạt 56,3 tỷ USD, tăng 7,8% so với cùng kỳ; xuất siêu 16,9 tỷ USD, tăng 7,4%. Khu vực dịch vụ tăng khá; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 9 tăng 14,1% so với cùng kỳ, 09 tháng tăng 13,4%; khách quốc tế 09 tháng đạt 17,7 triệu lượt người, tăng 14,5% so với cùng kỳ, cao nhất từ trước đến nay. Trong tháng 9, số doanh nghiệp đăng ký thành lập mới và quay trở lại hoạt động là 20,3 nghìn, tính chung 09 tháng là 224 nghìn doanh nghiệp, cao hơn số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Tổng vốn đầu tư toàn xã hội quý III ước đạt 1,3 triệu tỷ đồng, tăng 16,7% so với cùng kỳ, 09 tháng đạt 3,11 triệu tỷ đồng, tăng 15,1%; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký 09 tháng đạt trên 50,36 tỷ USD, tăng 76,4%, vốn FDI thực hiện đạt 21,07 tỷ USD, tăng 12,1% so với cùng kỳ. Nhiều tổ chức quốc tế tiếp tục đánh giá tích cực về công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, ghi nhận Việt Nam là điểm sáng về tăng trưởng trong bối cảnh kinh tế toàn cầu thiếu ổn định.

Công tác an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Triển khai quyết liệt "Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ"; đến hết tháng 9, đã tìm kiếm, quy tập được 3.083 hài cốt liệt sĩ (đạt 44,04% kế hoạch), hoàn thành lấy mẫu 207.656 hài cốt liệt sĩ phục vụ xác định danh tính (đạt 98,15% kế hoạch); tiếp nhận, lưu trữ, bảo quản gần 120 nghìn mẫu hài cốt liệt sĩ; thu nhận 265.761 mẫu sinh phẩm ADN thân nhân liệt sĩ (đạt 106,3% kế hoạch), hoàn thành phân tích ADN khoảng 100 nghìn mẫu và cập nhật vào cơ sở dữ liệu khoảng 80 nghìn kết quả phân tích phục vụ công tác đối sánh, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ. Hỗ trợ xây dựng mới, sửa chữa nhà ở cho con đẻ người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp ưu đãi hằng tháng và sống trong nhà tạm, nhà dột nát. Công tác bảo vệ trẻ em, người cao tuổi, bình đẳng giới, dân tộc, tôn giáo... tiếp tục được chú trọng. Từ đầu năm đến nay, cả nước hoàn thành 108 dự án nhà ở xã hội với quy mô gần 31,53 nghìn căn; khởi công 109 dự án với quy mô 153,76 nghìn căn; trong 04 tháng, đã khởi công 22 dự án nhà ở cho thuê với trên 33,4 nghìn căn hộ. Trong 09 tháng, các chương trình tín dụng chính sách xã hội đã hỗ trợ khoảng 1,54 triệu lượt khách hàng vay vốn; thị trường lao động chuyển biến tích cực, lao động có việc làm đạt hơn 52,7 triệu người, tăng gần 684 nghìn người so với cùng kỳ; thu nhập bình quân người lao động đạt hơn 9,1 triệu đồng/tháng, tăng 9,1% so với cùng kỳ. Đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân tiếp tục được nâng lên, bảo đảm công bằng xã hội. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo sát sao, quyết liệt, từ sớm, từ xa công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai; so với cùng kỳ năm 2025, số lượng cơn bão và áp thấp nhiệt đới giảm mạnh (69,1%), thiệt hại kinh tế giảm 90,7% (tương đương giảm 38.446 tỷ đồng); đặt tính mạng, sức khỏe, tài sản của Nhân dân lên trên hết, trước hết.

Các lĩnh vực văn hóa, y tế, giáo dục và đào tạo chuyển biến rõ nét theo tinh thần Nghị quyết số 71-NQ/TW, 72-NQ/TW, 80-NQ/TW của Bộ Chính trị; nhận thức về vị trí và vai trò của văn hóa được nâng cao; chú trọng xây dựng con người, môi trường văn hóa, công nghiệp văn hóa, công nghiệp giải trí, văn học nghệ thuật, điện ảnh…; tổ chức thành công các sự kiện chào mừng các ngày lễ lớn; thể thao thành tích cao đạt kết quả tích cực. Ngành giáo dục sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở giáo dục theo quy mô dân số, phân bố dân cư, tạo điều kiện thuận lợi cho người học, sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, đội ngũ cán bộ, giáo viên; triển khai chương trình đào tạo nhân lực chất lượng cao; sử dụng thống nhất 01 bộ sách giáo khoa từ năm học 2026 - 2027; quan tâm phát triển giáo dục vùng biên giới, khánh thành đồng loạt 108 trường học tại các xã biên giới… Ngành y tế làm tốt công tác phòng, chống dịch bệnh; nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh, cung ứng thuốc, vật tư y tế; tổ chức khám sức khỏe định kỳ, khám sàng lọc miễn phí cho khoảng 53 triệu người dân…

Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số có bước tiến mới theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW; đã ưu tiên, bố trí đủ 3% tổng chi ngân sách nhà nước, cơ bản hoàn thiện chính sách, pháp luật, tháo gỡ vướng mắc quy định về tài chính, đầu tư cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; đáp ứng tiến độ 1.932/2.011 nhiệm vụ; triển khai quyết liệt Đề án 06, "100 ngày cao điểm" xử lý điểm nghẽn về chuyển đổi số, vận hành Trung tâm dữ liệu quốc gia; ban hành danh mục, thúc đẩy phát triển công nghệ và sản phẩm công nghệ chiến lược; phê duyệt Chương trình khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quốc gia đặc biệt về công nghệ chiến lược; Chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam năm 2026 xếp hạng 43/139, tăng 01 bậc so với năm 2025 (xếp thứ 3 trong ASEAN)…

Công tác hoàn thiện thể chế, pháp luật gắn với đổi mới tư duy, phương thức xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật đạt kết quả tích cực; nhiều điểm nghẽn được khơi thông, góp phần kiến tạo phát triển, tạo lợi thế cho tăng trưởng 2 con số. Tích cực hoàn thiện 78 dự án luật, nghị quyết trình tại 03 Kỳ họp Quốc hội khóa XVI năm 2026. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 485 văn bản quy phạm pháp luật; cơ bản khắc phục tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản quy định chi tiết. Công tác cải cách thủ tục hành chính, xử lý kiến nghị của doanh nghiệp được thúc đẩy; đơn giản hóa 803, cắt giảm 945 thủ tục hành chính, 1.754 điều kiện kinh doanh, giảm 53% thời gian thực hiện và 55% chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp (tiết kiệm khoảng 23 nghìn tỷ đồng/năm), mức cắt giảm lớn nhất từ trước đến nay. Tiếp tục sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các bộ, cơ quan và xử lý hiệu quả vấn đề giao thoa chức năng, nhiệm vụ; thống nhất chuyển giao các nhiệm vụ quản lý nhà nước về địa chất, khoáng sản về một bộ đầu mối; phân định rõ chức năng quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, tập đoàn, tổng công ty của các bộ, ngành liên quan; hoàn thành sắp xếp các thôn, tổ dân phố, phát huy hơn nữa vai trò tự quản của cộng đồng dân cư; đẩy mạnh sắp xếp trường học, bệnh viện, đơn vị sự nghiệp công lập… Tập trung xử lý căn bản khó khăn, vướng mắc trong vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được củng cố, tăng cường; độc lập, chủ quyền quốc gia được giữ vững; trật tự an toàn xã hội được bảo đảm theo tinh thần các Nghị quyết số 18-NQ/TW, 22-NQ/TW. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí được chú trọng; triển khai hiệu quả đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. Công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế được triển khai đồng bộ, hiệu quả theo Nghị quyết số 59-NQ/TW, nhất là đối ngoại cấp cao, ngoại giao công nghệ, văn hóa, quốc phòng, an ninh, năng lượng..., góp phần giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, củng cố và nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế, đóng góp thiết thực xây dựng, phát triển và bảo vệ đất nước. Thông tin, truyền thông được đẩy mạnh, nhất là truyền thông chính sách; tăng cường đấu tranh phản bác, ngăn chặn thông tin xấu, độc và xử lý nghiêm các hành vi sai phạm.

Chi tiết về kết quả chỉ tiêu kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước chủ yếu của cả nước tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

Bên cạnh những kết quả đạt được là cơ bản, kinh tế - xã hội nước ta còn gặp nhiều thách thức, nhất là mục tiêu tăng trưởng 2 con số. Lạm phát chịu áp lực do tác động của thị trường quốc tế, chính sách vĩ mô của các đối tác, CPI bình quân 09 tháng tiệm cận mục tiêu cả năm; thị trường tiền tệ, tín dụng, tỷ giá, lãi suất chịu nhiều sức ép, nợ xấu có xu hướng tăng. Các động lực tăng trưởng truyền thống chưa đạt như kỳ vọng; thị trường trong nước chưa được thúc đẩy rõ nét. Cán cân thương mại được cải thiện nhưng cơ cấu xuất, nhập khẩu chưa hài hòa, bền vững. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp còn khó khăn; tốc độ tăng trưởng doanh thu có dấu hiệu chậm lại; khả năng tiếp cận vốn của một bộ phận doanh nghiệp còn hạn chế... Tổng vốn đầu tư toàn xã hội chưa đáp ứng yêu cầu; còn một số bộ, cơ quan giải ngân dưới 20%, một số dự án, dự án thành phần các công trình giao thông trọng điểm giải ngân dưới 5% kế hoạch *(chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Nghị quyết này)*; khối lượng tạm ứng chưa thu hồi còn lớn. Kết quả phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số chưa đồng đều, mức độ đóng góp vào nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu phát triển. Đời sống một bộ phận người dân còn khó khăn; tình hình an ninh, trật tự, tình trạng ô nhiễm không khí, ngập úng, ùn tắc giao thông, cháy nổ… tại một số địa bàn, tội phạm lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nhất là trên không gian mạng, buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả… còn yếu tố phức tạp.

II. Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tháng 10 và thời gian tới

Tháng 10 và những tháng cuối năm 2026, dự báo tình hình thế giới và khu vực tiếp tục biến động phức tạp, khó lường… Ở trong nước, quý IV là giai đoạn "nước rút", mang tính quyết định để hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ năm 2026; có những khó khăn, thách thức và thời cơ, thuận lợi đan xen nhưng khó khăn, thách thức nhiều hơn.

Trước tình hình đó, Chính phủ yêu cầu Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tiếp tục đề cao trách nhiệm cá nhân của người đứng đầu, triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả hơn nữa các

Nghị quyết, Kết luận, chỉ đạo của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Quốc hội và của Chính phủ; tận dụng tối đa thời cơ, các yếu tố thuận lợi, khắc phục khó khăn, hạn chế, tổ chức thực hiện hiệu quả nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội những tháng cuối năm 2026, phấn đấu hoàn thành cao nhất các mục tiêu, chỉ tiêu đã đề ra, tạo đà bứt phá cho năm 2027 với tinh thần tăng tốc hành động quyết liệt; trong đó, tập trung thực hiện một số nội dung sau:

1. Tập trung nguồn lực, chuẩn bị kỹ lưỡng, bảo đảm tiến độ, chất lượng các báo cáo, đề án trình Hội nghị Trung ương 4 khóa XIV, các dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội khóa XVI xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ Hai, tháng 10 năm 2026. Khẩn trương nghiên cứu, tiếp thu ý kiến Nhân dân đối với các dự án luật quan trọng như Luật Đất đai (sửa đổi), Luật Nhà ở (sửa đổi), Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi)… Hoàn thành việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy các bộ, cơ quan ngang bộ gắn với phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền.

2. Kiên định mục tiêu ưu tiên thúc đẩy tăng trưởng, phấn đấu tăng trưởng năm 2026 đạt "2 con số" gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế; lấy hiệu quả thực chất của nền kinh tế, năng suất, sức cạnh tranh, sự phát triển của doanh nghiệp và việc làm, thu nhập, chất lượng cuộc sống của Nhân dân làm thước đo cho sự phát triển. Rà soát toàn bộ mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ năm 2026, có giải pháp cụ thể, quyết liệt đối với chỉ tiêu thực hiện thấp, có khả năng không đạt mục tiêu, kịch bản cả năm và các nhiệm vụ chậm tiến độ, phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất. Trên cơ sở kịch bản tăng trưởng quý IV của các ngành, lĩnh vực, địa phương *(Phụ lục IV kèm theo Nghị quyết này)*, từng Bộ, cơ quan, địa phương xác định mục tiêu, nhiệm vụ, cơ quan thực hiện; rà soát, xác định các động lực, dư địa tăng trưởng những tháng cuối năm, quyết liệt triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thuộc thẩm quyền và kịp thời tham mưu, đề xuất những vấn đề vượt thẩm quyền; xác định rõ các dự án có khả năng sớm hoàn thành, đưa vào khai thác và các doanh nghiệp có khả năng mở rộng sản xuất, kinh doanh để tập trung tháo gỡ khó khăn, đôn đốc thực hiện.

3. Tăng tốc giải ngân vốn đầu tư công, khẩn trương phân bổ chi tiết 19,58 nghìn tỷ đồng vốn ngân sách trung ương còn lại, phấn đấu giải ngân 100% kế hoạch được giao, trong đó tập trung giải ngân tốt cả vốn ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, gắn việc giải ngân với việc hoàn thành khối lượng. Khẩn trương lập hồ sơ thanh toán ngay khi có khối lượng hoàn thành, không để dồn khối lượng giải ngân vào cuối năm; kiên quyết điều chuyển vốn từ dự án giải ngân chậm sang dự án giải ngân tốt có nhu cầu sử dụng vốn; kiểm soát chặt chẽ vốn tạm ứng bảo đảm tạm ứng phù hợp với tiến độ dự án, sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng, đẩy nhanh thu hồi tạm ứng, không để xảy ra tạm ứng quá hạn; cập nhật đầy đủ dữ liệu phục vụ chấm điểm giải ngân. Rà soát, có phương án xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng, vướng mắc kéo dài (nhất là các dự án giao thông, năng lượng, hạ tầng lớn). Đẩy nhanh việc kiểm kê, lập phương án xử lý, khai thác hiệu quả các cơ sở nhà, đất dôi dư sau tinh gọn bộ máy và sắp xếp đơn vị hành chính, không để xuống cấp, lãng phí.

4. Thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, tháo gỡ khó khăn, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận vốn, ổn định thị trường, bảo đảm cung cầu hàng hóa, năng lượng trong

các tháng cuối năm. Tăng cường kết nối doanh nghiệp trong nước với khu vực FDI. Phát triển thị trường trong nước, kích cầu tiêu dùng, khai thác hiệu quả nhu cầu mua sắm, du lịch cuối năm gắn với kiểm soát, bình ổn giá; tận dụng các FTA, xúc tiến thương mại biên giới và đa dạng hóa thị trường xuất khẩu sang Nam Mỹ, Trung Đông…, phát triển thương mại cân bằng, bền vững.

5. Đẩy nhanh tiến độ soạn thảo, trình ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết đã có hiệu lực, khắc phục triệt để tình trạng nợ đọng văn bản. Rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan đến đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường; nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến và giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp; khắc phục các điểm nghẽn về kết nối, chia sẻ dữ liệu và giải quyết thủ tục liên thông. Triển khai quyết liệt nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; khẩn trương hoàn thiện, đưa các chính sách mới vào cuộc sống, trong đó hướng dẫn chi tiết thực thi các quy định về tài sản số, khung pháp lý cho Trung tâm Tài chính quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh, quy hoạch cụm công nghiệp…

6. Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội, chăm lo đời sống của Nhân dân, nhất là người có công, đối tượng chính sách, người yếu thế, người có hoàn cảnh khó khăn. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các chương trình mục tiêu quốc gia. Quyết tâm hoàn thành giám định ADN đối với 18 nghìn mẫu hài cốt liệt sĩ đã được tìm kiếm, quy tập. Rà soát tổng thể nhu cầu và xử lý dứt điểm tình trạng thiếu sách giáo khoa tại các địa phương; tăng cường kiểm tra, chấn chỉnh công tác bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở chế biến, kinh doanh thực phẩm và bếp ăn tập thể; chú trọng chất lượng bữa ăn học đường. Cắt giảm khâu trung gian không cần thiết trong mua sắm, cung ứng thuốc và thiết bị y tế; bảo đảm các cơ sở khám, chữa bệnh công lập không bị thiếu hụt vật tư, bệnh nhân tiếp cận được thuốc chất lượng với giá hợp lý.

7. Chuẩn bị chu đáo các hoạt động văn hóa, lễ hội vào dịp cuối năm, trong đó tổ chức tốt Ngày Văn hóa Việt Nam và tuần lễ văn hóa - đại đoàn kết dân tộc năm 2026. Chú trọng bảo tồn và phát huy giá trị di sản gắn với phát triển du lịch, công nghiệp văn hóa. Theo dõi sát tình hình quan hệ lao động, tiền lương, tiền thưởng tại các khu công nghiệp; tăng cường tổ chức các sàn giao dịch việc làm, hỗ trợ kết nối lao động cho các doanh nghiệp phục vụ cao điểm sản xuất cuối năm.

8. Đẩy nhanh tiến độ ban hành kết luận thanh tra đối với các cuộc thanh tra đã hoàn thành thanh tra trực tiếp; rà soát, xử lý dứt điểm tình trạng chồng chéo, trùng lặp trong hoạt động thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; đôn đốc việc thực hiện nghiêm các kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý sau thanh tra. Tăng cường trách nhiệm người đứng đầu trong việc tiếp công dân định kỳ, đột xuất; gắn tiếp công dân với rà soát, đối thoại, giải quyết dứt điểm các vụ việc khiếu nại, tố cáo ngay từ cơ sở, không để hình thành điểm nóng. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan tố tụng trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ án, vụ việc tham nhũng; đẩy mạnh thu hồi tài sản bị chiếm đoạt, thất thoát trong các vụ án tham nhũng, kinh tế.

9. Các lực lượng duy trì nghiêm chế độ trực sẵn sàng chiến đấu; tăng cường tuần tra, kiểm soát, bảo vệ vững chắc chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia;

nắm chắc, dự báo sát tình hình, không để bị động, bất ngờ trong mọi tình huống. Chủ động phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; bảo vệ an ninh kinh tế, an ninh tư tưởng - văn hóa, an ninh mạng và an toàn thông tin; tăng cường phòng, chống tội phạm, bảo đảm an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy. Rà soát phương án, chuẩn bị sẵn sàng lực lượng, phương tiện, chủ động tham gia phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn. Tăng cường hợp tác, liên kết, thực hiện hiệu quả công tác đối ngoại, hội nhập quốc tế.

10. Từng bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, lĩnh vực quản lý, khẩn trương tổ chức thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

III. Về việc xử lý kiến nghị của doanh nghiệp

Trên cơ sở báo cáo của Bộ Tài chính về tình hình, kết quả xử lý kiến nghị của doanh nghiệp tại Tờ trình số 814/TTr-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2026, Chính phủ yêu cầu:

1. Đối với 56 kiến nghị chưa có kết quả xử lý theo tổng hợp của Bộ Tài chính tại Tờ trình số 814/TTr-BTC, các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Nội vụ, Y tế, Tư pháp, Giáo dục và Đào tạo, Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố liên quan khẩn trương xử lý dứt điểm, kịp thời thông báo kết quả xử lý tới doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp.

2. Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) tổng hợp phản ánh, kiến nghị của doanh nghiệp; định kỳ trước ngày 05 hằng tháng gửi các bộ, cơ quan, địa phương liên quan để xem xét, xử lý, đồng gửi Bộ Tài chính, Văn phòng Chính phủ.

3. Trước ngày 25 hằng tháng, các bộ, cơ quan, địa phương gửi kết quả xử lý kiến nghị của doanh nghiệp về Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính và VCCI để tổng hợp chung.

4. Bộ Tài chính chủ trì tổng hợp tình hình, kết quả xử lý kiến nghị của các bộ, cơ quan, địa phương, báo cáo Chính phủ tại phiên họp Chính phủ thường kỳ hằng tháng.

IV. Về việc báo cáo Chính phủ theo quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế làm việc của Chính phủ

Thực hiện quy định tại khoản 4 Điều 3 Quy chế làm việc của Chính phủ ban hành kèm theo Nghị định số 191/2026/NĐ-CP, tại Phiên họp, các bộ, cơ quan đã báo cáo Chính phủ như sau:

1. Bộ Công Thương báo cáo về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thương mại, cạnh tranh, quản lý ngoại thương, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam báo cáo về việc xây dựng chỉ tiêu lạm phát năm 2027.

3. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng báo cáo về việc chỉnh lý, bổ sung, hoàn thiện các nghị định quy định chi tiết Luật An ninh mạng.

4. Bộ Nội vụ báo cáo về việc tiếp thu, giải trình ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và ý kiến thẩm tra sơ bộ về dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội.

Văn phòng Chính phủ theo dõi, đôn đốc, tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện Nghị quyết này./.

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Lê Minh Hưng

Phụ lục I

SỐ LIỆU TĂNG TRƯỞNG THEO NGÀNH, LĨNH VỰC, ĐỊA PHƯƠNG 09 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 312/NQ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ)

Bảng 1: Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu 09 tháng năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Chỉ tiêu năm 2026 (theo Nghị quyết số 01/NQ-CP)	Thực hiện 09 tháng năm 2026
1	Tăng trưởng GDP	%	Phấn đấu từ 10% trở lên	9,01%
2	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân	%	Khoảng 4,5%	4,52%
3	Thu ngân sách nhà nước	%	Phấn đấu vượt ít nhất 10% dự toán	86,5% dự toán (tăng 12,1%)
4	Tổng vốn đầu tư toàn xã hội	Triệu tỷ đồng	-	3,11 (tăng 15,1%)
5	Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao	%	100%	62,9%
6	Tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	%	15-16%	24,5%
7	Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)	%	12-14%	12,33%
8	Tốc độ tăng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng	%	13-15%	13,41%
9	Tăng trưởng thương mại điện tử (thị trường TMĐT B2C)	%	20-22%	-
10	Thu hút FDI (vốn FDI thực hiện)	Tỷ USD	-	21,07 (tăng 12,1%)
11	Khách du lịch quốc tế	Triệu lượt khách	25	17,7 (tăng 14,5%)

Bảng 2: Ước thực hiện thu ngân sách nhà nước tháng 9 và 09 tháng năm 2026

TT	Chỉ tiêu	Dự toán	Ước thực hiện		Thực hiện 09 tháng so (%)	
			Tháng 9	9 tháng	Dự toán	C.kỳ 2025
A	B	1	2	3	4=3/1	5
	Tổng số	**2.529.467**	**162.733**	**2.187.253**	**86,5**	**112,1**
I	**Thu nội địa**	**2.199.967**	**126.375**	**1.880.346**	**85,5**	**112,2**
	- Không kể đất, XSKT, cổ phần hóa, cổ tức, LN	*1.558.740*	*86.768*	*1.349.139*	*86,6*	118,6
	- Thu 3 khu vực kinh tế	*1.019.589*	*53.084*	*945.575*	*92,7*	*130,7*
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp nhà nước	194.417	10.567	163.130	83,9	111,9
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn ĐTNN	321.418	18.071	286.195	89,0	131,2
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	503.754	24.447	496.250	98,5	138,1
4	Thuế thu nhập cá nhân	237.037	6.219	155.633	65,7	87,3
5	Thuế bảo vệ môi trường	43.846	206	16.921	38,6	53,0
6	Các loại phí, lệ phí	110.135	8.985	86.630	78,7	110,4
7	Các khoản thu về nhà, đất	550.778	40.169	433.600	78,7	105,9
8	Thu từ hoạt động xổ số	57.716	4.408	50.313	87,2	113,0
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	12.617	4.796	14.792	117,2	142,4
10	Thu khác ngân sách	56.942	6.780	59.893	105,2	94,3
11	Thu quỹ đất công ích và hoa lợi công sản khác	1.961	198	1.134	57,8	78,1
12	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu chi của Ngân hàng Nhà nước	109.346	1.530	115.855	106,0	85,9
II	**Thu từ dầu thô**	**43.000**	**6.817**	**50.039**	**116,4**	**133,8**
III	**Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu**	**278.000**	**29.422**	**253.465**	**91,2**	**107,1**
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	451.000	46.055	400.886	88,9	118,5
2	Hoàn thuế giá trị gia tăng	-173.000	-16.633	-147.421	85,2	145,0
IV	**Thu viện trợ**	**8.500**	**119**	**3.402**	**40,0**	**297,4**

Bảng 3: Tổng hợp sơ bộ một số chỉ tiêu kinh tế chủ yếu của địa phương 09 tháng (từ số liệu của địa phương)

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Tốc độ tăng trưởng GRDP 09 tháng (%)		Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (%)		Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn (nghìn tỷ)		Thu hút vốn FDI đăng ký (triệu USD) ước 09 tháng	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân (%) 9 tháng
			9 tháng	Mục tiêu cả năm	9 tháng	Mục tiêu cả năm	9 tháng	Mục tiêu cả năm	9 tháng	Mục tiêu cả năm		
1	TP. Hồ Chí Minh	23,30	9,06	10,2	10,9	12,2	12,0	15,0	541,7	1.013,2	18.225,7	4,69
2	Hà Nội	12,40	8,85	11,0	9,0	11-12	13,0	12,7	451,4	730	4.128,1	4,91
3	Hải Phòng	5,70	12,08	13,00	15,2	15,5-16	13,9	13,5	255,0	363	3.083,4	4,30
4	Đồng Nai	5,30	10,01	10,00	12,6	13	13,7	17,22	142,9	179,2	1.372,0	4,22
5	Bắc Ninh	4,10	11,81	12,5	20,2	17,5	14,7	8,5	127,6	224,5	4.270,2	4,07
6	Phú Thọ	3,20	10,01	11	21,5	26,2	13,3	14,5	114,2	171	1.023,2	4,36
7	Quảng Ninh	2,90	12,54	13	18,6	16	15,5	24	98,4	>130	676,1	3,39
8	Lâm Đồng	2,80	8,51	10,00	12,0	>12	14,6	23,87	75,8	134	28,7	4,25
9	Tây Ninh	2,70	10,30	10-10,5	15,0	13,89	13,1	14	91,8	134,99	1.642,4	4,99
10	Ninh Bình	2,70	11,31	11	25,0	26,5	13,6	19,5	125,2	180	1.372,4	3,62
11	Thanh Hóa	2,60	8,54	11	11,1	14	13,2	8,1	105,6	168	358,7	4,18
12	Hưng Yên	2,50	11,22	11-12	15,4	15	14,5	17,1	117,5	200	950,7	4,29
13	Đà Nẵng	2,50	10,31	>= 11,00	10,0	12,0	17,0	16-18	88,0	99,27	435,6	4,95
14	Cần Thơ	2,40	7,89	10,07	11,0	11-13	13,5	11-13	63,9	117,04	99,8	4,17
15	An Giang	2,30	9,23	10,71	13,6	13,19	13,3	24,98	79,9	113,5	32,8	3,60
16	Đồng Tháp	2,20	7,44	8,21	13,0	12,0	13,2	13,8	53,8	93,3-94,5	177,3	4,62
17	Vĩnh Long	2,20	7,32	10,0	11,4	17,1	14,5	12,0	46,3	79	112,6	4,68
18	Gia Lai	2,10	8,03	8,8-9,4	9,1	9,5-10,5	14,2	10,89	59,2	92,26	354,7	5,15

TT	Tỉnh/ Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Tốc độ tăng trưởng GRDP 09 tháng (%)		Tốc độ tăng chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP)		Tốc độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (%)		Tổng vốn đầu tư toàn xã hội trên địa bàn (nghìn tỷ)		Thu hút vốn FDI đăng ký (triệu USD) ước 09 tháng	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân (%) 9 tháng
			9 tháng	Mục tiêu cả năm	9 tháng	Mục tiêu cả năm	9 tháng	Mục tiêu cả năm	9 tháng	Mục tiêu cả năm		
19	Nghệ An	1,90	9,75	10,5-11,5	21,5	19-20	13,6	18	98,8	145	2.451,3	4,20
20	Đắk Lắk	1,80	8,22	10,02	14,1	9,5	14,1	17	45,8	80,39	3,0	4,61
21	Khánh Hòa	1,60	11,21	10,2	7,8	11,5	14,9	16,5	101,0	129,4	53,8	4,97
22	Thái Nguyên	1,50	11,24	11	23,2	14,5	13,9	18,5	59,9	>135	7.997,5	5,24
23	Quảng Ngãi	1,50	9,16	9,0	14,3	13,0	13,4	12,4	39,4	98-100	39,8	4,32
24	Cà Mau	1,30	7,37	10	12,7	11,61	12,9	15	52,6	90	99,4	4,96
25	Lào Cai	1,10	9,09	10,1	7,7	13	12,8	12,9	35,1	90	76,7	3,40
26	Quảng Trị	1,00	8,42	10,6	16,0	18	12,9	12,7	56,1	95	173,8	3,65
27	Hà Tĩnh	0,90	12,36	10,43	40,2	15,25	14,1	12	51,8	61,56	412,6	4,14
28	Sơn La	0,70	5,59	8	0,2	4,5	13,7	14,28	15,3	25,1	-	6,44
29	Tuyên Quang	0,70	8,04	10,17	9,0	10,05	15,9	6,74	21,3	47,8	31,7	5,36
30	Huế	0,70	8,72	>=10	11,0	16-17	14,4	13-14	28,5	43,3	129,0	5,10
31	Lạng Sơn	0,50	7,52	10,61	5,3	9,00	14,0	11,5	20,0	50	-	3,67
32	Lai Châu	0,30	9,62	10	4,1	25	13,6	11,69	12,9	15,39	-	4,26
33	Điện Biên	0,30	9,81	11,02	15,7	18,52	14,7	10,74	15,2	17,92	549,4	3,35
34	Cao Bằng	0,20	7,96	10	11,5	6,08	12,5	10	9,7	13,02	-	3,49

Phụ lục II
NHIỆM VỤ CỤ THỂ GIAO CÁC BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG THÁNG 10 NĂM 2026 VÀ THỜI GIAN TỚI
(Kèm theo Nghị quyết số 312/NQ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ)

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tập trung thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm sau:

a) Tập trung cao nhất cho mục tiêu tăng trưởng, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt trong chỉ đạo, điều hành quý IV. Các địa phương tăng trưởng đạt và vượt kịch bản thì tiếp tục phấn đấu đạt mức cao hơn; các địa phương là cực tăng trưởng, có quy mô kinh tế lớn, nhất là Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh... phát huy mạnh mẽ tiềm năng, lợi thế, tạo động lực và sức lan tỏa, đóng góp cao hơn cho tăng trưởng cả nước; các địa phương chưa đạt kịch bản tăng trưởng phải có giải pháp cụ thể để tập trung chỉ đạo, điều hành, phấn đấu hoàn thành mục tiêu tăng trưởng GRDP năm 2026; thường xuyên kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện các chỉ tiêu quý IV và cả năm, nhất là những ngành, lĩnh vực, chỉ tiêu đạt thấp.

b) Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp tăng thu ngân sách nhà nước, tập trung khai thác các nguồn thu còn dư địa; điều hành chi chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả, ưu tiên nguồn lực cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số... Quan tâm, bố trí đầy đủ, kịp thời nguồn lực tài chính để triển khai đồng bộ, hiệu quả chính sách an sinh xã hội được Chính phủ ban hành, nhất là các chính sách áp dụng từ ngày 01 tháng 7 năm 2026 như trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng, trợ giúp xã hội, phụ cấp công vụ đối với cán bộ, công chức cấp xã, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng nợ, chậm chi trả chính sách.

c) Tiếp tục chỉ đạo, bố trí nguồn lực, tổ chức thực hiện hiệu quả Quy hoạch cấp tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (đã được điều chỉnh), bảo đảm đồng bộ, thống nhất. Phát triển các ngành công nghiệp có lợi thế của từng địa phương; hỗ trợ doanh nghiệp tháo gỡ khó khăn về nguyên liệu, thị trường và thủ tục đầu tư đối với dự án có khả năng hoàn thành trong năm 2026, sớm hình thành năng lực sản xuất mới.

d) Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 53/CĐ-TTg ngày 12 tháng 8 năm 2026; tập trung đẩy nhanh tiến độ các dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, đôn đốc chủ đầu tư, nhà thầu đẩy nhanh thi công, bảo đảm hoàn thành các dự án theo kế hoạch, đáp ứng yêu cầu về chất lượng, an toàn trong vận hành, khai thác. Kịp thời rà soát, cập nhật, công bố giá vật liệu xây dựng, chỉ số giá xây dựng sát diễn biến thị trường, phục vụ triển khai các dự án; tập trung tháo gỡ, xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng còn lại.

đ) Tiếp tục triển khai hiệu quả kịch bản tăng trưởng ngành nông nghiệp. Tập trung sản xuất và thu hoạch 03 tháng cuối năm; chủ động ứng phó nguy cơ hạn hán, xâm nhập mặn sâu, rét đậm, rét hại, bảo vệ sản xuất vụ đông xuân năm 2026 - 2027; duy trì ổn định quy mô đàn chăn nuôi, hỗ trợ tái đàn gia súc, gia cầm, phát triển nuôi trồng thủy sản…

e) Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến thời tiết, kịp thời chỉ đạo, triển khai công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai những tháng cuối năm 2026; rà soát các khu vực xung yếu, có nguy cơ mất an toàn, chủ động sơ tán người dân khi cần thiết; chuẩn bị đầy đủ lực lượng, phương tiện, vật tư, nhu yếu phẩm theo phương châm "4 tại chỗ". Quyết liệt thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) nhằm phát triển ngành thủy sản bền vững.

g) Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên, khoáng sản và xây dựng; bảo đảm thực hiện đúng chỉ tiêu được phân bổ tại quy hoạch ngành quốc gia được phê duyệt. Đẩy nhanh đo đạc, lập hồ sơ địa chính, hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai; tập trung xử lý hồ sơ tồn đọng về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho người dân, doanh nghiệp. Rà soát, cập nhật số liệu về tài nguyên, trữ lượng, tình trạng cấp phép, công suất khai thác và khả năng cung ứng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu, gửi Bộ Công Thương để tổng hợp, điều phối. Kịp thời giải quyết các thủ tục thuộc thẩm quyền, xử lý khó khăn, vướng mắc đối với nguồn vật liệu phục vụ công trình, dự án trọng điểm; tăng cường bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác trái phép.

Các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm về việc thống kê, tổng hợp dữ liệu đất đai đồng bộ với hệ thống dữ liệu quốc gia về đất đai.

h) Triển khai hiệu quả, đúng tiến độ các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Xây dựng nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược gắn với phát huy tiềm năng, lợi thế của từng địa phương.

i) Tiếp tục triển khai hiệu quả "Chiến dịch 500 ngày đêm tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ"; đẩy mạnh nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện thông tin hồ sơ về mộ liệt sĩ, mộ liệt sĩ tập thể, bảo đảm khoa học, khả thi. Yêu cầu các địa phương sau rà soát, bổ sung thông tin đợt 1 của 39 hồ sơ (Đà Nẵng - 06 hồ sơ, Quảng Ngãi - 05 hồ sơ, Gia Lai - 06 hồ sơ, Huế - 06 hồ sơ, Quảng Trị - 03 hồ sơ, TP. Hồ Chí Minh - 09 hồ sơ, Tây Ninh - 03 hồ sơ, Đồng Nai - 01 hồ sơ).

k) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện khám sức khỏe định kỳ và tầm soát miễn phí toàn dân gắn với Sổ sức khỏe điện tử, bảo đảm hoàn thành đúng yêu cầu khám sức khỏe miễn phí cho toàn dân trong năm 2026. Tập trung triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035, tạo sự chuyển biến thực chất, hiệu quả trong năm 2026 và những năm tiếp theo.

l) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, đề cao trách nhiệm người đứng đầu, đẩy mạnh cải cách hành chính. Tập trung khắc phục các chỉ số thành phần còn hạn chế, cải thiện các chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), cải cách hành chính (PAR INDEX), mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS), Bộ chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

m) Hoàn thiện bảo đảm chất lượng kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo ý kiến chỉ đạo, kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Phiên họp tháng 9 năm 2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật và Hướng dẫn của Ban Chỉ đạo, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

n) Quán triệt và tổ chức thành công Ngày Văn hóa Việt Nam (24/11) gắn với Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc (18/11) thành chuỗi hoạt động Tuần văn hóa đại đoàn kết sôi nổi, thiết thực với nhiều hoạt động, sự kiện ý nghĩa, góp phần khơi dậy lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết và khát vọng cống hiến của nhân dân. Tiếp tục đa dạng hóa sản phẩm để duy trì, thúc đẩy nhanh hơn tốc độ tăng trưởng công nghiệp văn hóa và đóng góp cho tăng trưởng kinh tế của địa phương nói riêng và của cả nước nói chung.

o) Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ giao tại Nghị quyết số 221/NQ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 76-KL/TW ngày 28 tháng 7 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIV về tiếp tục hoàn thiện, vận hành hiệu quả mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị, mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; tập trung hoàn thành các nhiệm vụ sau trong tháng 10 năm 2026:

- Giải quyết dứt điểm tồn tại, vướng mắc sau sắp xếp, ưu tiên xử lý trụ sở, nhà đất, tài sản công dôi dư, hồ sơ lưu trữ; bảo đảm nhân lực, điều kiện hoạt động của cấp xã.

- Rà soát phần mềm, nền tảng đang triển khai tại các địa phương; xây dựng tiêu chí để áp dụng và ban hành hướng dẫn kết nối, chia sẻ, tích hợp dữ liệu, tạo điều kiện để triển khai thành công mô hình chính quyền địa phương 2 cấp kết hợp với chuyển đổi số;

- Cơ bản hoàn thành việc sắp xếp đơn vị sự nghiệp giáo dục nghề nghiệp, y tế, sự nghiệp khác.

- Rà soát tình hình phân cấp, phân quyền và phân cấp thủ tục hành chính của Trung ương cho địa phương, đề xuất cụ thể những khó khăn, vướng mắc để bộ, ngành Trung ương xem xét, phối hợp giải quyết, báo cáo Bộ Nội vụ trước ngày 20 tháng 10 năm 2026.

p) Thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 58/CĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2026; khẩn trương cung cấp đầy đủ thông tin (tình hình triển khai, khó khăn, vướng mắc cụ thể dẫn đến chưa thể tiếp tục triển khai; xác định lĩnh vực, căn cứ pháp lý cụ thể; đề xuất rõ giải pháp, cơ chế, chính sách, cấp thẩm quyền có trách nhiệm xử lý để giải quyết dứt điểm khó khăn, vướng mắc của dự án) đến bộ quản lý chuyên ngành, lĩnh vực, đồng gửi Bộ Tài chính để phối hợp, theo dõi các dự án đề xuất trung ương tháo gỡ khó khăn, vướng mắc.

q) Chỉ đạo Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan tại địa phương tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn, đôn đốc doanh nghiệp được thành lập trước ngày 01 tháng 7 năm 2025 trên địa bàn bổ sung thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi theo quy định của pháp luật; phấn đấu đến hết năm 2026 có trên 80% số doanh nghiệp hoàn thành việc bổ sung thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi.

r) Rà soát, cập nhật số liệu về triển khai các dự án nguồn và lưới điện được phê duyệt tại Quy hoạch điện VIII; chịu trách nhiệm về tính chính xác, kết quả thực hiện, bảo đảm an ninh năng lượng theo Nghị quyết 70-NQ/TW của Bộ Chính trị, gửi Bộ Công Thương trong tháng 10 năm 2026 để tổng hợp, điều phối.

s) Khẩn trương triển khai hỗ trợ phát triển điện mặt trời mái nhà và các biện pháp tiết kiệm năng lượng theo Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ:

a) Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan của Quốc hội để hoàn thiện 95 hồ sơ, báo cáo, tài liệu, trong đó có 44 dự án luật, nghị quyết trình Quốc hội xem xét, thông qua tại Kỳ họp thứ Hai.

b) Khẩn trương trình Chính phủ ban hành 25 nghị định quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết của Quốc hội sẽ có hiệu lực trong thời gian tới, trong đó có 17 nghị định quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội thông qua tại Kỳ họp không thường lệ thứ Nhất; chủ động ban hành theo thẩm quyền các thông tư, không để xảy ra tình trạng chậm, nợ ban hành văn bản quy định chi tiết; không đề xuất lùi thời hạn trình văn bản quy định chi tiết các luật đã có hiệu lực trừ trường hợp có sự thay đổi về chủ trương, chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến nội dung của văn bản quy định chi tiết.

c) Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với Bộ Tư pháp rà soát, xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 721/TTg-PL ngày 24 tháng 6 năm 2026; cập nhật chính xác danh mục, phương án xử lý, xác định cụ thể thời hạn hoàn thành từng văn bản, bảo đảm đúng tiến độ; ưu tiên các văn bản thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

d) Chủ động xây dựng các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2027 theo Nghị quyết số 20/NQ-UBTVQH16 ngày 21 tháng 9 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về Chương trình lập pháp năm 2027.

đ) Cập nhật đầy đủ, kịp thời tiến độ xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi quản lý trên "Hệ thống thông tin quản lý Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật" và triển khai việc đánh giá, chấm điểm KPI.

e) Hoàn thiện bảo đảm chất lượng kết quả tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo ý kiến chỉ đạo, kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm tại Phiên họp tháng 9 năm 2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật và Hướng dẫn của Ban Chỉ đạo, Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo về tổng rà soát văn bản quy phạm pháp luật.

g) Rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật, đơn giá dịch vụ công cơ bản, thiết yếu, hoàn thành trong quý IV năm 2026.

h) Các bộ, cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thực hiện nghiêm chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công điện số 58/CĐ-TTg ngày 22 tháng 8 năm 2026, phối hợp với bộ, cơ quan, địa phương có dự án tồn đọng kéo dài để khẩn trương có hướng dẫn xử lý hoặc đề xuất phương án theo thẩm quyền; báo cáo kết quả về

Bộ Tài chính để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ trước ngày 20 tháng 10 năm 2026 đối với nhóm dự án đề xuất thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực; trước ngày 30 tháng 10 năm 2026 đối với các dự án đề xuất thuộc thẩm quyền của Quốc hội. Trường hợp cần ban hành cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các dự án, chủ động ban hành theo thẩm quyền hoặc kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền ban hành, không đùn đẩy, né tránh, phù hợp với các nguyên tắc đã được cấp có thẩm quyền quy định, bảo đảm sớm đưa các dự án vào hoạt động, khai thác, phát huy hiệu quả, khơi thông nguồn lực.

3. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Theo dõi sát diễn biến CPI, giá cả thị trường, nhất là các mặt hàng, dịch vụ thiết yếu; không tăng giá điện và các mặt hàng Nhà nước quản lý; thường xuyên cập nhật kịch bản lạm phát theo từng tháng, kịp thời tham mưu các giải pháp điều hành giá phù hợp. Tiếp tục triển khai hiệu quả các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, lệ phí còn phù hợp; khẩn trương hoàn thiện Nghị định quy định chi tiết Nghị quyết số 43/2026/QH16 của Quốc hội về giảm thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cá nhân và doanh nghiệp áp dụng cho kỳ tính thuế năm 2026, 2027 và nội dung đề xuất giải pháp hoàn thiện thuế giá trị gia tăng, cơ chế hoàn thuế để trình cấp có thẩm quyền, bảo đảm chất lượng, tiến độ.

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan rà soát, cập nhật tình hình, số liệu giải ngân các công trình, dự án trọng điểm lĩnh vực giao thông vận tải, bảo đảm đầy đủ, thống nhất, chính xác; đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, giải ngân, kiên quyết điều chuyển vốn từ các dự án chậm giải ngân, không đáp ứng tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn hoặc chuyển vào khoản chưa phân bổ theo quy định. Thực hiện chấm điểm giải ngân vốn đầu tư công chính thức từ kỳ tháng 10 năm 2026, làm căn cứ điều chuyển vốn và bố trí kế hoạch vốn năm 2027.

c) Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Đề án nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam; theo dõi sát diễn biến thị trường, hoạt động cơ cấu danh mục của các quỹ đầu tư trong quá trình triển khai sau nâng hạng, tăng cường công tác giám sát, chủ động xây dựng phương án, kịch bản ứng phó với các vấn đề phát sinh. Rà soát, hoàn thiện đồng bộ khung khổ pháp lý, cơ chế, chính sách; kịp thời tháo gỡ các điểm nghẽn, bất cập; đẩy mạnh hiện đại hóa hạ tầng công nghệ, hệ thống giao dịch, thanh toán, tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư trong và ngoài nước tiếp cận thị trường, thúc đẩy thị trường chứng khoán phát triển an toàn, hiệu quả, minh bạch, bền vững.

d) Đẩy nhanh việc thực hiện các nhiệm vụ đưa Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam vào vận hành thực chất, hiệu quả; trước mắt lựa chọn một số sản phẩm tài chính có nhu cầu thị trường, có khả năng triển khai để tập trung thực hiện, xác định rõ cơ chế, chính sách cần ban hành, cơ quan soạn thảo, cấp có thẩm quyền ban hành, thời gian thực hiện và cơ chế thanh tra, kiểm tra, giám sát tương ứng; đẩy mạnh xúc tiến, thu hút thành viên, đối tác, nhà đầu tư, phấn đấu lưu hành

sản phẩm trong tháng 11 năm 2026; báo cáo Thủ tướng Chính phủ tình hình thực hiện trong tháng 10 năm 2026.

đ) Rà soát, cập nhật, hoàn thiện kết quả Tổng kiểm kê tài sản công, bảo đảm đúng, đầy đủ yêu cầu về phạm vi, đối tượng, nguyên tắc và thời điểm kiểm kê; công bố kết quả Tổng kiểm kê tại thời điểm ngày 01 tháng 01 năm 2026 theo quy định chậm nhất trong tháng 10 năm 2026, chịu trách nhiệm về số liệu công bố.

e) Tiếp tục rà soát, đôn đốc việc sắp xếp, xử lý, khai thác hiệu quả các cơ sở nhà, đất dôi dư sau sắp xếp đơn vị hành chính; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm sử dụng hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí.

g) Khẩn trương nghiên cứu bố trí vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay các dự án nhà ở xã hội.

h) Triển khai quyết liệt các nhiệm vụ giao tại Nghị quyết số 221/NQ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ, tập trung hoàn thành các nhiệm vụ sau trong tháng 10 năm 2026:

- Xây dựng 02 chỉ tiêu tổng hợp cấp xã gồm tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn cấp xã và thu nhập bình quân đầu người cấp xã.

- Hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn, định mức, đơn giá dịch vụ công cơ bản, thiết yếu.

i) Kiện toàn Ban Chỉ đạo và Quy chế Ban Chỉ đạo về giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc các dự án tồn đọng. Hoàn thiện nội dung, biểu mẫu, trường thông tin để chuẩn hóa Hệ thống dữ liệu 751. Theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong việc cập nhật số liệu và báo cáo vướng mắc của các dự án trên Hệ thống 751; tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ hằng tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu.

4. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường tài chính, tiền tệ trong nước và quốc tế, nhất là việc điều chỉnh chính sách tiền tệ của các nước lớn để điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, kịp thời, hiệu quả, phối hợp đồng bộ với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác, góp phần kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô, hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Nắm chắc diễn biến lãi suất, tín dụng, thanh khoản hệ thống, sử dụng hiệu quả các công cụ để ổn định mặt bằng lãi suất, phấn đấu giảm lãi suất cho vay đối với sản xuất kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, xuất khẩu…, tăng khả năng tiếp cận vốn của doanh nghiệp, người dân và bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng; điều tiết tăng trưởng tín dụng phù hợp với khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế, hướng tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

b) Chủ động triển khai các giải pháp quản lý, điều hành thị trường ngoại hối phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, cung - cầu ngoại tệ, dòng vốn đầu tư nước ngoài và dòng vốn quốc tế nhằm ổn định thị trường, đáp ứng nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của nền kinh tế. Tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động thị trường ngoại hối; xử lý nghiêm các hành vi đầu cơ, găm giữ ngoại tệ gây bất ổn thị trường, bảo đảm an ninh, an toàn tài chính, tiền tệ quốc gia.

c) Tập trung triển khai Kế hoạch thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Các tổ chức tín dụng số 23/2026/QH16 theo Quyết định số 1842/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; khẩn trương rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để kịp thời sửa đổi, bổ sung, đề xuất ban hành mới hoặc công bố tiếp tục có hiệu lực bảo đảm phù hợp với Luật, hoàn thành trong tháng 11 năm 2026.

d) Triển khai hiệu quả các nhiệm vụ về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 11 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch hành động quốc gia; khẩn trương xây dựng, ban hành trong tháng 10 năm 2026 quy định về giám sát trên cơ sở rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố trong lĩnh vực ngân hàng.

đ) Chỉ đạo các tổ chức tín dụng tăng cường xử lý nợ xấu, hạn chế nợ xấu phát sinh, kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng; chủ động nhận diện, cảnh báo, xử lý rủi ro từ sớm, từ xa, bảo đảm an toàn hệ thống các tổ chức tín dụng. Tiếp tục triển khai hiệu quả việc cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu và Đề án "Tiếp tục hiện đại hoá hệ thống ngân hàng, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa" ban hành theo Quyết định số 1809/QĐ-TTg ngày 18 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt; phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy nhanh tiến độ triển khai phương án xử lý tài sản bảo đảm của Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn.

5. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Bám sát diễn biến thị trường xăng dầu thế giới và cung - cầu trong nước, chủ động các giải pháp bảo đảm nguồn cung xăng dầu đầy đủ, không để xảy ra đứt gãy nguồn cung. Chủ động dự trữ, kịp thời điều tiết, bình ổn thị trường khi có biến động; tăng cường kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm trong kinh doanh xăng dầu. Khẩn trương hoàn thiện Nghị định thay thế Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu và các Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 83/2014/NĐ-CP theo hướng nâng cao hiệu quả quản lý, tổ chức lại hệ thống phân phối, giảm tầng nấc trung gian, tăng tính minh bạch, cạnh tranh, báo cáo Chính phủ trước ngày 07 tháng 10 năm 2026.

b) Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm hệ thống điện vận hành an toàn, ổn định, đáp ứng đủ nhu cầu điện cho sản xuất, kinh doanh và đời sống Nhân dân, không để xảy ra thiếu điện do nguyên nhân chủ quan; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ các dự án nguồn điện, lưới điện trọng điểm. Khẩn trương rà soát, hoàn thiện các nội dung liên quan đến điều chỉnh Quy hoạch điện VIII theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ, bảo đảm chất lượng, khả thi và tuân thủ quy định của pháp luật về quy hoạch.

c) Đẩy mạnh phát triển thị trường trong nước; triển khai các chương trình kích cầu tiêu dùng, khuyến mại tập trung gắn với các dịp lễ, Tết và mùa mua sắm

cuối năm; tăng cường kết nối cung - cầu, mở rộng kênh phân phối, thương mại điện tử, hỗ trợ tiêu thụ hàng Việt Nam gắn với Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Nắm chắc tình hình sản xuất, lưu thông và giá cả các mặt hàng thiết yếu, chiến lược, bảo đảm nguồn hàng, lưu thông thông suốt, không để xảy ra thiếu hàng, sốt giá, đầu cơ, "găm hàng"...

d) Tiếp tục mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, khai thác hiệu quả các FTA đã có hiệu lực; thúc đẩy đàm phán Hiệp định Thương mại đối ứng, công bằng và cân bằng với Hoa Kỳ theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, các FTA mới với các đối tác, thị trường tiềm năng. Hỗ trợ doanh nghiệp dệt may, da giày, gỗ duy trì đơn hàng, đa dạng hóa thị trường. Phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, đánh giá tình hình nhập siêu, nhất là các doanh nghiệp nhập siêu lớn, thống nhất dự báo cán cân thương mại năm 2026, kịp thời có giải pháp xử lý nhập siêu.

đ) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính rà soát số liệu để phản ánh chính xác tình hình xuất nhập khẩu phục vụ công tác lãnh đạo, điều hành của Chính phủ, bộ, ngành liên quan.

e) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển công nghiệp hỗ trợ theo hướng có trọng tâm, trọng điểm gắn với nhu cầu thị trường và khả năng nội địa hóa; cập nhật danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên, nhất là các linh kiện, vật liệu có nhu cầu lớn. Tăng cường kết nối, phát triển nhà cung cấp Việt Nam cho các tập đoàn điện tử, bán dẫn và công nghệ trong và ngoài nước theo chuỗi sản phẩm, tiêu chuẩn kỹ thuật và nhu cầu của doanh nghiệp. Rà soát, báo cáo Thủ tướng Chính phủ việc thay thế Quyết định số 10/2017/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2017 về Quy chế quản lý và thực hiện Chương trình phát triển công nghiệp hỗ trợ, hoàn thành trong tháng 12 năm 2026.

g) Phối hợp với Bộ Tài chính rà soát, đề xuất chính sách thuế phù hợp, vừa khuyến khích sản xuất trong nước đối với linh kiện, sản phẩm đã có khả năng sản xuất, vừa bảo đảm thuận lợi cho nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu mà trong nước chưa đáp ứng được; hoàn thành trong tháng 10 năm 2026.

h) Khẩn trương hoàn thành tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong cấp Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) đã phân cấp cho địa phương theo đúng chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 262/NQ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2026.

i) Tập trung rà soát, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch và thủ tục hành chính về địa chất, khoáng sản thuộc phạm vi quản lý; bảo đảm việc tiếp nhận, giải quyết hồ sơ liên tục, đúng thẩm quyền, không để phát sinh ách tắc sau chuyển giao. Đẩy nhanh việc hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh quy hoạch khoáng sản nhóm I; rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc các nhiệm vụ điều tra cơ bản địa chất, các dự án khoáng sản trọng điểm, nhất là khoáng sản chiến lược, quan trọng, đất hiếm; gắn khai thác với chế biến, sử dụng hiệu quả tài nguyên và bảo vệ môi trường. Báo cáo kết quả và kiến nghị xử lý trong tháng 10 năm 2026.

6. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai, dự báo, thông tin kịp thời cho cơ quan chức năng và người dân biết để chủ động ứng phó; chỉ đạo vận hành khoa học, an toàn, hiệu quả các hồ thủy lợi, thủy điện, góp phần giảm lũ cho hạ du. Khẩn trương

rà soát, điều chỉnh Quy hoạch phòng, chống lũ và Quy hoạch đê điều hệ thống sông Hồng, sông Thái Bình.

b) Khẩn trương xây dựng, công bố kịch bản, phương án điều hòa, phân phối nguồn nước các lưu vực sông, nhất là các sông ở khu vực Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ theo quy định. Theo dõi chặt chẽ tác động của El Nino, tình hình khí tượng thủy văn, nguồn nước để chủ động chỉ đạo tích trữ nước cuối mùa lũ phục vụ sản xuất, sinh hoạt của Nhân dân.

c) Theo dõi tình hình sản xuất, xuất, nhập khẩu các ngành hàng nông nghiệp chủ lực; phấn đấu xuất khẩu nông, lâm, thủy sản năm 2026 đạt trên 74 tỷ USD theo mục tiêu đề ra; khẩn trương tháo gỡ vướng mắc trong xuất khẩu gạo, nhất là sang các thị trường trọng điểm, hoàn thành trong tháng 10 năm 2026.

d) Khẩn trương nghiên cứu, có giải pháp chuẩn hóa, số hóa và kết nối dữ liệu vùng nguyên liệu, vùng trồng, vùng nuôi, cơ sở đóng gói, chế biến và doanh nghiệp xuất khẩu; đồng thời tiếp tục đàm phán mở cửa thị trường, tháo gỡ rào cản kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên ngành, nâng cao năng lực cảnh báo sớm.

đ) Tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan thẩm tra của Quốc hội và ý kiến Nhân dân để hoàn thiện chính sách, pháp luật về đất đai, bảo vệ môi trường, tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, thúc đẩy tăng trưởng.

7. Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công, giải ngân vốn đầu tư công các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm, bảo đảm chất lượng, an toàn, nhất là dự án phải hoàn thành trong năm 2026; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc về giải phóng mặt bằng, nguồn vật liệu xây dựng, thủ tục và tổ chức thi công, bảo đảm tiến độ kế hoạch.

b) Khẩn trương rà soát, xây dựng, công bố hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức kinh tế - kỹ thuật (nếu có) về đường sắt tốc độ cao; lựa chọn tổ hợp nhà thầu tư vấn quốc tế có năng lực, kinh nghiệm để lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án và thuê đơn vị, tổ chức đủ năng lực để thẩm tra công tác lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Ngoại giao hoàn thành đàm phán để ký Hiệp định xây dựng cầu chung qua biên giới trong năm 2026, đồng thời hoàn thiện các thủ tục phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng theo chủ trương điều chỉnh đã được Quốc hội thông qua tại Nghị quyết số 40/2026/QH16 ngày 24 tháng 8 năm 2026, đáp ứng yêu cầu tiến độ tại Nghị quyết số 281/NQ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ.

d) Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án nhà ở xã hội, nhà ở cho thuê; nghiên cứu kỹ lưỡng ý kiến các bộ, ngành liên quan (Bộ Công an, Bộ Tư pháp…) và ý kiến thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Nhà ở (sửa đổi), Luật Kinh doanh bất động sản (sửa đổi) và chuẩn bị các văn bản hướng dẫn chi tiết để kịp thời ban hành sau khi các Luật được Quốc hội thông qua.

đ) Chỉ đạo xây dựng, tổ chức thực hiện phương án cấp nước an toàn theo các kịch bản nguồn nước đối với công trình cấp nước sinh hoạt, nhất là công trình khai thác nước trực tiếp trên lưu vực sông không có hồ điều tiết, công trình phụ thuộc vào hồ chứa thượng lưu (cần tính tới kịch bản do tác động của El Nino). Rà soát, đẩy mạnh kết nối hạ tầng cấp nước, giảm tỷ lệ thất thoát nước sạch, chuẩn bị phương án tích trữ, cấp nước dự phòng cho các đô thị lớn, vùng đô thị trọng điểm như Đồng bằng sông Hồng, Đông Nam Bộ, Nam Bộ.

e) Về việc tháo gỡ khó khăn do biến động giá nguyên, nhiên liệu: Bộ Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Tài chính, Tư pháp và các bộ, cơ quan liên quan nghiên cứu, đề xuất phương án giải quyết đối với các dự án, công trình trọng điểm (trong đó có các trường phổ thông nội trú tại các xã biên giới) theo hướng trình cấp có thẩm quyền ban hành Nghị quyết để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong thực tiễn thi hành pháp luật theo Nghị quyết 206/2025/QH15 của Quốc hội, theo chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ tại Thông báo số 433/TB-VPCP ngày 17 tháng 8 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ.

8. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Phối hợp với Ban Tuyên giáo Trung ương chỉ đạo các cơ quan báo chí, truyền thông tiếp tục thông tin đậm nét công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, trong đó có việc triển khai các giải pháp nhằm đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2026, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, cải cách thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh…; truyền thông về các chính sách mới, tạo đồng thuận xã hội...

b) Triển khai hiệu quả Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 30 tháng 9 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức Ngày Văn hóa Việt Nam gắn với Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2026. Khẩn trương đôn đốc, hướng dẫn Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức Ngày Văn hóa Việt Nam năm 2026 và các năm tiếp theo phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương; hoàn thành trong tháng 10 năm 2026. Chủ động công tác tuyên truyền, huy động sự tham gia tích cực của Nhân dân; kết hợp hài hòa nguồn lực ngân sách nhà nước với nguồn xã hội hóa hợp pháp theo quy định, bảo đảm tiết kiệm, an toàn, hiệu quả trong các hoạt động tổ chức kỷ niệm, tránh phô trương, hình thức, lãng phí.

c) Tiếp tục phát huy, đổi mới, nâng cao giá trị các sản phẩm du lịch hiện có trên cơ sở ứng dụng công nghệ, khai thác chiều sâu giá trị văn hóa, lịch sử, cảnh quan và bản sắc của điểm đến, tạo thêm sức hấp dẫn, khả năng lan tỏa, giá trị gia tăng cho sản phẩm; hoàn thiện các sản phẩm du lịch đang được xây dựng, bảo đảm có tính đặc trưng, khác biệt, khả năng cạnh tranh, phù hợp thị trường.

d) Khẩn trương hoàn thiện kịch bản phát triển du lịch quý IV năm 2026 và phối hợp chặt chẽ với các địa phương để tổ chức thực hiện; chuẩn bị sớm các sự kiện lớn trong năm 2027 như: Năm hợp tác du lịch Việt - Trung, Tuần lễ du lịch cấp cao APEC tại Phú Quốc theo đúng chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Nhà nước về Du lịch. Tập trung xây dựng, rà soát, hoàn thiện Chiến lược phát triển du lịch

Việt Nam đến năm 2035, tầm nhìn đến năm 2045; trình Thủ tướng Chính phủ trước ngày 15 tháng 12 năm 2026.

đ) Chủ động tổ chức chiến dịch quảng bá văn hóa và hình ảnh Việt Nam với chủ đề, địa bàn, đối tượng phù hợp. Khẩn trương xây dựng Chương trình xúc tiến du lịch quốc gia giai đoạn 2026 - 2035, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành trong tháng 12 năm 2026.

e) Tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2026 của Bộ Chính trị về phát triển du lịch Việt Nam trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong kỷ nguyên mới và Nghị quyết số 263/NQ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2026 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW; khẩn trương cụ thể hóa các nhiệm vụ, sản phẩm, trách nhiệm của cơ quan được giao chủ trì; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, bảo đảm thực chất, hiệu quả.

9. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Khẩn trương hoàn thiện, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước ngày 20 tháng 10 năm 2026 các hồ sơ: Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2019 quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động khoa học, công nghệ và chuyển giao công nghệ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 126/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021; Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 03/2020/QĐ-TTg ngày 18 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về Mạng điện báo Hệ đặc biệt phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước; Quyết định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Quyết định số 46/2017/QĐ-TTg ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Mạng lưới các cơ quan thông báo và hỏi đáp và Ban liên ngành về hàng rào kỹ thuật trong thương mại.

b) Thúc đẩy phát triển thị trường khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, trong đó tập trung đầu tư, nâng cao năng lực hệ thống các sàn giao dịch công nghệ quốc gia và các tổ chức trung gian dịch vụ sở hữu trí tuệ chuyên nghiệp. Khẩn trương nghiên cứu, có giải pháp xử lý dứt điểm khó khăn, vướng mắc, điểm nghẽn trong thực tế triển khai về định giá quyền sở hữu trí tuệ, thị trường khoa học, công nghệ, sàn giao dịch khoa học và công nghệ, thương mại hóa kết quả nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước.

10. Bộ Y tế chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Bổ sung, hoàn thiện các dự thảo luật liên quan để tăng cường quản lý đối với thuốc, thiết bị y tế…

b) Theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình dịch bệnh, nhất là các bệnh truyền nhiễm có nguy cơ gia tăng sau mưa bão; khẩn trương chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương chủ động thực hiện các biện pháp tăng cường phòng, chống dịch bệnh để xử lý kịp thời, phù hợp, hiệu quả với các tình huống có thể xảy ra. Tăng cường các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, sự hài lòng của người dân, bảo đảm an ninh, an toàn tại các cơ sở y tế.

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Quốc phòng và các bộ, cơ quan, địa phương liên quan nghiên cứu việc triển khai xây dựng trung tâm y tế gắn với việc xây dựng các trạm quân dân y kết hợp tại các xã biên giới đất liền, nâng cao chất lượng y tế cơ sở.

d) Tập trung thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 1129/TTg-KGVX ngày 16 tháng 9 năm 2026 về việc triển khai Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 06 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc tổ chức khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí cho người dân.

đ) Chủ động thực hiện nhiệm vụ sắp xếp các cơ sở giáo dục đại học công lập trực thuộc Bộ Y tế, phối hợp chặt chẽ với Bộ Giáo dục và Đào tạo để thống nhất với phương án tổng thể; hoàn thành trong tháng 10 năm 2026.

11. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Tiếp tục cung ứng sách giáo khoa đáp ứng nhu cầu của học sinh và yêu cầu dự phòng, nhu cầu sách thư viện của các trường phổ thông. Khẩn trương xây dựng kế hoạch rà soát, hoàn thiện Chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông, phân công nhiệm vụ bảo đảm "6 rõ: rõ người, rõ việc, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm, rõ thời gian, rõ kết quả" để hoàn thành bộ sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới sử dụng thống nhất trong toàn quốc từ năm học 2028 - 2029, bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đề ra, góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học.

b) Rà soát, điều chỉnh quy định về chế độ làm việc, định mức giáo viên, người làm việc trong các cơ sở giáo dục bảo đảm phù hợp với Chương trình giáo dục phổ thông, từng cấp học, loại hình trường, đặc điểm vùng miền và biến động về quy mô học sinh; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung ban hành theo thẩm quyền các quy định, hướng dẫn về các định mức trong lĩnh vực giáo dục bảo đảm phù hợp, hiệu quả; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền đối với trường hợp vượt thẩm quyền, hoàn thành trong tháng 10 năm 2026 và theo tiến độ của các nghị định của Chính phủ.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan và các địa phương triển khai ngay các biện pháp cần thiết bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm bữa ăn học đường; xác định rõ trách nhiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo, các cơ quan liên quan, chính quyền địa phương các cấp; chính quyền địa phương phải trực tiếp chỉ đạo, lựa chọn các doanh nghiệp có năng lực, bảo đảm chất lượng để cung ứng dịch vụ bữa ăn học đường; tuyệt đối không để mất an toàn thực phẩm, tham nhũng, tiêu cực.

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Dân tộc và Tôn giáo, các bộ, cơ quan liên quan khẩn trương rà soát, nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 3 năm 2025 quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách; báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong tháng 11 năm 2026.

đ) Chỉ đạo, hướng dẫn các địa phương thực hiện các biện pháp bảo đảm mọi học sinh trong độ tuổi đi học đều được đến trường, kể cả học sinh học hết trung học

cơ sở không trúng tuyển vào trường trung học phổ thông công lập được học tập ở các loại hình trường và chương trình giáo dục phù hợp, theo quy định.

12. Bộ Nội vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Triển khai quyết liệt Nghị quyết số 221/NQ-CP ngày 09 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ, tập trung hoàn thành các nhiệm vụ sau trong tháng 10 năm 2026:

- Hoàn thiện thể chế về khung tổ chức các cơ quan, đơn vị trong hệ thống hành chính nhà nước từ trung ương đến cấp tỉnh, cấp xã.

- Rà soát các nhiệm vụ đã phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền cho địa phương; đánh giá mức độ phù hợp, khả năng thực hiện và điều kiện bảo đảm; hoàn thành trước ngày 25 tháng 10 năm 2026.

- Hoàn thiện Đề án về mô hình đơn vị hành chính cấp xã mang tính hạt nhân tiêu biểu để lan tỏa, nhân rộng, dẫn dắt phát triển.

- Tổ chức thẩm định đề án thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã đối với các địa phương đã hoàn thiện hồ sơ, bảo đảm đáp ứng đầy đủ điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định, trình Chính phủ và hoàn thiện trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong tháng 10 năm 2026.

b) Tổng hợp, xây dựng Báo cáo về triển khai Đề án giao biên chế giai đoạn 2027 - 2031 theo đúng yêu cầu của Ban Tổ chức Trung ương, báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ.

13. Bộ Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Khẩn trương tiếp thu ý kiến thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội, ý kiến kết luận của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để hoàn thiện hồ sơ dự án Luật Văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm chất lượng, tiến độ trình Quốc hội tại Kỳ họp thứ Hai.

b) Tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định phân công cơ quan chủ trì soạn thảo và thời hạn trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết trong Chương trình lập pháp năm 2027, tuân thủ nghiêm tiến độ trình các dự án luật, pháp lệnh, nghị quyết theo yêu cầu của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

c) Theo dõi, đôn đốc các bộ, cơ quan ngang bộ trình Quốc hội các dự án luật, nghị quyết tại Kỳ họp thứ Hai, Quốc hội khóa XVI; việc soạn thảo, ban hành, trình ban hành văn bản quy định chi tiết luật, nghị quyết của Quốc hội có hiệu lực từ ngày 01 tháng 10 năm 2026 và trong thời gian tới; chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan báo cáo Chính phủ về tình hình thực hiện Chương trình lập pháp và xây dựng, ban hành văn bản quy định chi tiết định kỳ hằng tháng, quý, 06 tháng và 01 năm (dừng việc báo cáo định kỳ vào thứ Hai hàng tuần).

d) Tiếp tục phát huy vai trò của Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo tổng rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; tổ chức, hướng dẫn, đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực hiện hiệu quả, chất lượng nhiệm vụ tổng rà soát văn bản theo đúng chỉ đạo, kết luận của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế và thực thi pháp luật; gắn kết quả tổng rà soát pháp luật với lộ trình sửa đổi và trách nhiệm của từng bộ, cơ quan.

đ) Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với các bộ, cơ quan ngang bộ trong quá trình rà soát, đề xuất phương án xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sẽ hết hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 theo đúng chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 721/TTg-PL ngày 24 tháng 6 năm 2026.

14. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Duy trì nghiêm nền nếp, chế độ sẵn sàng chiến đấu, tăng cường trinh sát điện tử, tác chiến không gian mạng, quản lý chặt chẽ vùng trời, vùng biển, đảo, biên giới, nội địa, ngoại biên, không gian mạng, bảo vệ vững chắc chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc. Triển khai đồng bộ, hiệu quả các chủ trương, đường lối và giải pháp của Đảng, Nhà nước về hội nhập quốc tế và đối ngoại quốc phòng.

b) Phối hợp với lực lượng Công an giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn cả nước; quản lý chặt chẽ biên giới, ngăn chặn xuất nhập cảnh trái phép và hoạt động chống phá của các lực lượng thù địch; duy trì lực lượng trên các vùng biển trọng điểm, tuyên truyền, xua đuổi tàu nước ngoài vi phạm vùng biển Việt Nam; quyết liệt ngăn chặn hoạt động khai thác IUU. Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao hiệu quả công tác quốc phòng ở các bộ, ngành, địa phương.

c) Tiếp tục quyết liệt triển khai "Chiến dịch 500 ngày đêm đẩy mạnh thực hiện tìm kiếm, quy tập và xác định danh tính hài cốt liệt sĩ" và tham gia hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho đối tượng là con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.

15. Bộ Công an chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Chủ động theo dõi, đánh giá, dự báo sát tình hình thế giới, khu vực, trọng tâm là cạnh tranh chiến lược, chính sách của các nước lớn tác động đến lợi ích, an ninh quốc gia của Việt Nam để kịp thời tham mưu Đảng, Nhà nước các chủ trương, giải pháp bảo đảm an ninh, lợi ích quốc gia. Bảo vệ tuyệt đối an toàn các mục tiêu, công trình trọng điểm, các sự kiện chính trị, văn hóa, xã hội quan trọng trên địa bàn cả nước. Triển khai đồng bộ các biện pháp bảo đảm an ninh trên các lĩnh vực, địa bàn chiến lược, trọng điểm và không gian mạng.

b) Tiếp tục thực hiện hiệu quả cao điểm tấn công trấn áp các loại tội phạm. Triển khai đồng bộ các giải pháp bảo đảm trật tự, an toàn giao thông nhằm tiếp tục kéo giảm tai nạn giao thông trên cả 03 tiêu chí. Tăng cường công tác phòng, chống cháy, nổ; tiếp tục tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác phòng cháy, chữa cháy cho người dân, tổ chức. Chủ động lực lượng, phương tiện sẵn sàng tham gia ứng phó cứu nạn, cứu hộ và phòng, chống thiên tai trong mùa mưa lũ.

16. Bộ Ngoại giao chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Khẩn trương quán triệt chỉ đạo của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước và cụ thể hóa các quyết nghị, triển khai tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Hội nghị Ngoại giao lần thứ 33.

b) Tiếp tục theo dõi sát tình hình thế giới và khu vực, nhất là diễn biến các điểm nóng xung đột, thay đổi trong chính sách đối ngoại của các nước lớn, đối tác quan trọng để kịp thời báo cáo đề xuất Chính phủ các đối sách linh hoạt, hiệu quả.

c) Thúc đẩy hoạt động ngoại giao kinh tế, hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp mở rộng thị trường, tranh thủ nguồn lực bên ngoài phục vụ phát triển kinh tế xã hội trong nước. Nắm bắt tình hình công dân Việt Nam ở nước ngoài, nhất là tại các địa bàn có rủi ro thiên tai hoặc xung đột để kịp thời triển khai biện pháp bảo hộ công dân. Hoàn thiện các báo cáo và chương trình hành động theo chỉ đạo của Chính phủ về chiến lược ngoại giao văn hóa.

17. Bộ Dân tộc và Tôn giáo chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Chủ động theo dõi, tổng hợp tình hình, nắm bắt dư luận xã hội, tâm tư, nguyện vọng, khó khăn, vướng mắc và đề xuất, kiến nghị của đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào tôn giáo, chức sắc tôn giáo. Nắm tình hình hoạt động của các hiện tượng tôn giáo mới và hoạt động tôn giáo trong các vùng đồng bào dân tộc thiểu số, không để xảy ra bị động, bất ngờ, gây phức tạp về an ninh, trật tự tại các địa phương. Đẩy mạnh truyền thông chính sách, đấu tranh phản bác luận điệu xuyên tạc, lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo để chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

b) Tiếp tục hoàn thiện tổng hợp, công bố danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn giai đoạn 2026 - 2030 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính. Tăng cường các giải pháp đẩy mạnh giải ngân vốn từ nguồn ngân sách trung ương năm 2025 của Chương trình mục tiêu quốc gia dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025 được kéo dài sang năm 2026.

18. Thanh tra Chính phủ chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương:

a) Khẩn trương thực hiện ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ về Định hướng chương trình thanh tra và Kế hoạch thanh tra năm 2027; hướng dẫn các cơ quan thanh tra xây dựng Kế hoạch thanh tra năm 2027; đẩy nhanh tiến độ ban hành các kết luận thanh tra đã kết thúc thanh tra trực tiếp; triển khai dứt điểm các cuộc thanh tra theo Kế hoạch thanh tra năm 2026 và các cuộc thanh tra đột xuất; thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

b) Khẩn trương triển khai thực hiện ý kiến của Ban Thường vụ Đảng ủy Chính phủ nêu tại văn bản số 1212-CV/ĐU ngày 14 tháng 8 năm 2026 về việc tổ chức Hội nghị toàn quốc để đánh giá, tổng kết mô hình tổ chức của Thanh tra Chính phủ hiện nay và đề xuất, kiến nghị hoàn thiện làm cơ sở báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trong năm 2026.

c) Thường xuyên theo dõi, đôn đốc các bộ, cơ quan liên quan thực hiện đầy đủ nhiệm vụ trong Chương trình hành động số 13-CTr/ĐU ngày 29 tháng 6 năm 2026 của Đảng ủy Chính phủ triển khai Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 khóa XIV về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong giai đoạn mới (nhất là các bộ, cơ quan có đề án phải hoàn thành trong năm 2026), trong tháng 11 năm 2026 báo cáo Đảng ủy Chính phủ, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ cho ý kiến trước khi báo cáo cấp có thẩm quyền.

d) Tiếp tục thực hiện tốt quản lý nhà nước về giải quyết khiếu nại, tố cáo; tăng cường phối hợp giữa Ban Tiếp công dân Trung ương và các địa phương để

nắm chắc tình hình khiếu nại của công dân, bảo đảm an ninh trật tự, đặc biệt trong thời gian diễn ra Kỳ họp thứ Hai Quốc hội khóa XVI.

đ) Hoàn thiện, trình Chính phủ ban hành Nghị quyết quy định việc sửa đổi, bổ sung kết luận, kiến nghị của thanh tra nhằm tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong thực hiện kết luận thanh tra.

19. Các cơ quan báo chí, truyền thông tiếp tục thông tin, truyền thông về các hoạt động đối nội, đối ngoại của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Hội nghị Trung ương 4 khóa XIV, Kỳ họp thứ Hai, Quốc hội khóa XVI; tuyên truyền nổi bật, đậm nét về các giải pháp trọng tâm, trọng điểm và kết quả phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; biểu dương điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt. Tăng cường quản lý, kiểm soát thông tin trên không gian mạng, các nền tảng mạng xã hội; đẩy mạnh truyền thông chính sách, phản bác các luận điệu sai trái, thù địch. Chủ động thông tin dự báo thiên tai, hướng dẫn kỹ năng ứng phó, phòng, chống, giảm thiểu thiệt hại. Phổ biến kiến thức pháp luật, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm…

20. Các Bộ, cơ quan: Nội vụ, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Thanh tra Chính phủ và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố: Nghệ An, Lai Châu, Sơn La, Tuyên Quang, Lào Cai, Quảng Trị, Khánh Hòa, Đồng Nai, Đồng Tháp khẩn trương ban hành kế hoạch, văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 258/NQ-CP ngày 31 tháng 8 năm 2026 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, góp phần thúc đẩy tăng trưởng hai con số giai đoạn 2026 - 2030.

21. Bộ Tài chính, Bộ Công an chủ trì, phối hợp với Bộ Tư pháp giải quyết dứt điểm vướng mắc trong cấp mã số doanh nghiệp cho doanh nghiệp đấu giá tài sản và đồng bộ, cập nhật trên Hệ thống đấu giá tài sản theo chỉ đạo của Chính phủ tại Nghị quyết số 66.18/2026/NQ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.

22. Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố rà soát, tổng hợp nguồn khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phục vụ các công trình, dự án trọng điểm; xác định trữ lượng được phê duyệt, trữ lượng còn lại, công suất khai thác được phép, sản lượng và khả năng cung ứng thực tế, tiến độ hoàn thành các thủ tục có liên quan và điều kiện vận chuyển. Trên cơ sở nhu cầu sử dụng vật liệu theo tiến độ từng công trình, dự án, xây dựng, tổ chức thực hiện phương án điều phối nguồn cung liên vùng, liên tỉnh theo thẩm quyền; hướng dẫn, đôn đốc tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề vượt thẩm quyền.

23. Về thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa - xã hội, nông thôn, dân tộc và miền núi giai đoạn 2026 - 2035:

a) Các Bộ: Nông nghiệp và Môi trường, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Giáo dục và Đào tạo tổng hợp, đề xuất nhu cầu và phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2027 thực hiện từng chương trình theo nhiệm vụ, phạm vi quản lý trước khi hợp nhất; chi tiết chi đầu tư phát triển và chi thường xuyên từng lĩnh vực chi

cho từng bộ, cơ quan trung ương, địa phương; kèm theo thuyết minh, căn cứ tính toán và hồ sơ theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố khẩn trương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành đầy đủ nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ, tỷ lệ vốn đối ứng thuộc thẩm quyền; các bộ, cơ quan trung ương và địa phương khẩn trương hoàn thành phân bổ, giao dự toán năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia. Trường hợp chưa hoàn thành, báo cáo rõ số chưa phân bổ, nguyên nhân, trách nhiệm và cam kết thời hạn hoàn thành, bảo đảm không làm gián đoạn việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người dân, đặc biệt người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng nông thôn và địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khó khăn.

c) Các bộ, cơ quan, địa phương chủ động xây dựng các giải pháp thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình mục tiêu quốc gia để, bảo đảm giải ngân hết 100% vốn ngân sách nhà nước năm 2025 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2026 và kế hoạch, dự toán đã được giao trong năm 2026.

d) Bộ Giáo dục và Đào tạo khẩn trương hoàn thiện phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và dự toán chi ngân sách Trung ương năm 2026 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia hiện đại hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo.

đ) Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch khẩn trương hoàn thiện phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển văn hóa theo đúng quy định.

e) Bộ Nông nghiệp và Môi trường (cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo) chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính chuẩn bị tổ chức Hội nghị triển khai Nghị quyết số 46/2026/QH16 của Quốc hội và Nghị định của Chính phủ sau khi Nghị định được ban hành./.

Phụ lục III

TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN CÁC DỰ ÁN TRỌNG ĐIỂM 09 THÁNG NĂM 2026

(Kèm theo Nghị quyết số 312/NQ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ)

Đơn vị tính: Tỷ đồng

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
	TỔNG SỐ		**265.624,2**	**200.749,7**	**64.874,5**	**113.432,9**	**42,7%**	**74.026,4**	**36,9%**	**39.406,5**	**60,7%**
	Vốn trong nước		*260.432,3*	*197.319,2*	*63.113,0*	*111.904,4*	*43,0%*	*73.256,7*	*37,1%*	*38.647,8*	*61,2%*
	Vốn ngoài nước		*5.191,9*	*3.430,4*	*1.761,5*	*1.528,5*	*29,4%*	*769,7*	*22,4%*	*758,8*	*43,1%*
A	**ĐƯỜNG BỘ**		**141.688,6**	**104.724,8**	**36.963,8**	**91.850,2**	**65%**	**66.218,2**	**63,2%**	**25.632,0**	**69,3%**
	Vốn trong nước		*140.579,6*	*103.615,8*	*36.963,8*	*91.441,4*	*65%*	*65.809,4*	*64%*	*25.632,0*	*69,3%*
	Vốn ngoài nước		*1.109,0*	*1.109,0*	*0,0*	*408,8*	*37%*	*408,8*	*37%*	*0,0*	-
I.1	**Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020**	Bộ Xây dựng	**415,4**	**415,4**	**0,0**	**198,8**	**47,9%**	**198,8**	**47,9%**		**-**
1	Đoạn Nghi Sơn - Diễn Châu	Bộ Xây dựng	11,7	11,7		2,7	23,4%	2,7	23,4%		-
2	Đoạn Vĩnh Hảo - Phan Thiết	Bộ Xây dựng	40,0	40,0		18,5	46,3%	18,5	46,3%		-
3	Đoạn Phan Thiết - Dầu Giây	Bộ Xây dựng	363,7	363,7		177,6	48,8%	177,6	48,8%		-
I.2	**Cao tốc Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2021-2025**	Bộ Xây dựng	**7.276,3**	**7.276,3**	**0,0**	**3.621,5**	**49,8%**	**3.621,5**	**49,8%**		**-**
1	Bãi Vọt - Hàm Nghi	Bộ Xây dựng	158,0	158,0		95,5	60,4%	95,5	60,4%		-
2	Hàm Nghi - Vũng Áng	Bộ Xây dựng	282,8	282,8		184,9	65,4%	184,9	65,4%		-

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
3	Vũng Áng - Bùng	Bộ Xây dựng	348,6	348,6		161,1	46,2%	161,1	46,2%		-
4	Bùng - Vạn Ninh	Bộ Xây dựng	200,0	200,0		68,3	34,1%	68,3	34,1%		-
5	Vạn Ninh - Cam Lộ	Bộ Xây dựng	252,0	252,0		106,6	42,3%	106,6	42,3%		-
6	Quảng Ngãi - Hoài Nhơn	Bộ Xây dựng	1.117,0	1.117,0		583,8	52,3%	583,8	52,3%		-
7	Hoài Nhơn - Quy Nhơn	Bộ Xây dựng	580,0	580,0		447,6	77,2%	447,6	77,2%		-
8	Quy Nhơn - Chí Thạnh	Bộ Xây dựng	800,0	800,0		665,1	83,1%	665,1	83,1%		-
9	Chí Thạnh - Vân Phong	Bộ Xây dựng	378,0	378,0		240,2	63,5%	240,2	63,5%		-
10	Vân Phong - Nha Trang	Bộ Xây dựng	560,0	560,0		270,7	48,3%	270,7	48,3%		-
11	Cần Thơ - Hậu Giang	Bộ Xây dựng	1.100,0	1.100,0		250,5	22,8%	250,5	22,8%		-
12	Hậu Giang - Cà Mau	Bộ Xây dựng	1.500,0	1.500,0		547,3	36,5%	547,3	**36,5%**		-
I.3	**Cao tốc Khánh Hòa – Buôn Ma Thuột giai đoạn 1**		**6.363,7**	**6.363,7**	**0,0**	**1.452,1**	**22,8%**	**1.452,1**	**22,8%**	**0,0**	-
1	Dự án thành phần 1	Khánh Hòa	1.356,0	1.356,0		475,2	35,0%	475,2	35,0%		-
2	Dự án thành phần 2	Bộ Xây dựng	3.258,4	3.258,4		474,9	14,6%	474,9	14,6%		-
3	Dự án thành phần 3	Đắk Lắk	1.749,3	1.749,3		502,0	28,7%	502,0	28,7%		-
I.4	**Cao tốc Biên Hòa – Vũng Tàu giai đoạn 1**		**1.359,8**	**1.312,8**	**47,0**	**882,5**	**64,9%**	**868,5**	**66,2%**	**14,0**	**29,8%**
1	Dự án thành phần 1	Đồng Nai	440,6	420,6	20,0	328,0	74,4%	328,0	78,0%	0,0	0,0%
2	Dự án thành phần 2	Bộ Xây dựng	392,2	392,2		237,5	60,6%	237,5	60,6%	0,0	-

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
3	Dự án thành phần 3	Bà Rịa - Vũng Tàu (TP. HCM)	527,0	500,0	27,0	317,0	60,2%	303,0	60,6%	14,0	51,9%
I.5	**Cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1**		**6.512,7**	**6.412,7**	**100,0**	**2.004,1**	**30,8%**	**2.003,9**	**31,2%**	**0,2**	**0,2%**
1	Dự án thành phần 1	An Giang	2.749,1	2.749,1		269,0	9,8%	269,0	9,8%	0,0	-
2	Dự án thành phần 2	Cần Thơ	842,6	842,6		745,9	88,5%	745,9	88,5%	0,0	-
3	Dự án thành phần 3	Hậu Giang (Cần Thơ)	1.167,0	1.167,0		420,3	36,0%	420,3	36,0%	0,0	-
4	Dự án thành phần 4	Sóc Trăng (Cần Thơ)	1.754,0	1.654,0	100,0	568,9	32,4%	568,7	34,4%	0,2	0,2%
I.6	**Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội**		**4.943,6**	**3.010,6**	**1.933,0**	**3.781,1**	**76,5%**	**3.010,6**	**100,0%**	**770,4**	**39,9%**
1	***Nhóm dự án TP Bồi thường, hỗ trợ TĐC***		***115,8***	***0,1***	***115,7***	***55,5***	***47,9%***	***0,1***	***100,0%***	***55,4***	***47,9%***
1.1	Dự án thành phần 1.1	Hà Nội	70,7		70,7	35,5	50,2%		-	35,5	50,2%
1.2	Dự án thành phần 1.2	Hưng Yên	0,1	0,1		0,1	100,0 %	0,1	100,0%		-
1.3	Dự án thành phần 1.3	Bắc Ninh	45,0		45,0	19,9	44,2%		-	19,9	44,2%
2	***Nhóm dự án TP xây dựng đường song hành (đường đô thị)***		***702,0***	***0,0***	***702,0***	***599,8***	***85,4%***	***0,0***	***-***	***599,8***	***85,4%***

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
2.1	Dự án thành phần 2.1	Hà Nội	590,0		590,0	526,3	89,2%		-	526,3	89,2%
2.2	Dự án thành phần 2.2	Hưng Yên	12,0		12,0	6,5	54,2%		-	6,5	54,2%
2.3	Dự án thành phần 2.3	Bắc Ninh	100,0		100,0	67,0	67,0%		-	67,0	67,0%
3	***Dự án thành phần 3 xây dựng đường cao tốc (PPP)***	Hà Nội	***4.125,8***	***3.010,5***	***1.115,3***	***3.125,8***	***75,76 %***	***3.010,5***	***100%***	***115,3***	***10,3%***
I.7	**Vành đai 3-TP. Hồ Chí Minh**		**6.531,4**	**1.480,3**	**5.051,1**	**2.293,1**	**35,1 %**	**1.025,9**	**69,3%**	**1.267,2**	25,1%
1	***Nhóm dự án TP đầu tư xây dựng***		***5.948,9***	***949,3***	***4.999,6***	***2.070,1***	**34,8 %**	***836,7***	**88,1%**	***1.233,4***	24,7%
	Dự án thành phần 1	TP. HCM	3.927,3	477,3	3.450,0	1.503,3	38,3%	477,3	**100,0%**	1.026,0	29,7%
	Dự án thành phần 3	Đồng Nai	419,6	0,0	419,6	202,8	48,3%	0,0	-	202,8	48,3%
	Dự án thành phần 5	Bình Dương (TP. HCM)	1.345,0	430,0	915,0	341,9	25,4%	337,3	**78,4%**	4,6	0,5%
	Dự án thành phần 7	Long An (Tây Ninh)	257,0	42,0	215,0	22,1	8,6%	22,1	**52,7%**	0,0	0,0%
2	***Nhóm dự án TP Bồi thường, hỗ trợ TĐC***		***582,5***	***531,0***	***51,5***	***223,0***	**38,3%**	***189,2***	**35,6%**	***33,8***	65,6%
	Dự án thành phần 2	TP. HCM	30,0		30,0	22,8	76,0%	0,0	-	22,8	76,0%
	Dự án thành phần 4	Đồng Nai	11,5	0,0	11,5	11,0	95,7%		-	11,0	95,7%
	Dự án thành phần 6	Bình Dương (TP. HCM)	541,0	531,0	10,0	189,2	35,0%	189,2	35,6%	0,0	0,0%

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
I.8	**Dự án đầu tư xây dựng đường cao tốc Tuyên Quang - Phú Thọ kết nối với cao tốc Nội Bài - Lào Cai**	Tuyên Quang	58,4		58,4	58,4	100,0%		-	58,4	100,0%
I.9	**Hòa Bình - Mộc Châu đoạn qua tỉnh Hòa Bình**	Hòa Bình (Phú Thọ)	191,2	91,2	100,0	153,3	80,2%	*53,3*	**58,4%**	*100,0*	100,0%
I.10	**Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang đoạn qua tỉnh Tuyên Quang**	Tuyên Quang	**134,6**	**0,0**	**134,6**	**134,6**	**100,0%**		-	**134,6**	100,0%
I.11	**Cao tốc Tuyên Quang - Hà Giang đoạn qua tỉnh Hà Giang**	Hà Giang (Tuyên Quang)	**71,8**		**71,8**	**71,8**	**100,0%**		-	**71,8**	100,0%
I.12	**Cao tốc Cao Lãnh - An Hữu**		**1.524,5**	**1.524,5**	**0,0**	**252,2**	**16,5%**	**252,2**	**16,5%**	**0,0**	-
1	Dự án thành phần 1	Đồng Tháp	710,0	710,0		51,2	7,2%	51,2	**7,2%**		-
2	Dự án thành phần 2	Tiền Giang (Đồng Tháp)	814,5	814,5		200,9	24,7%	200,9	**24,7%**		-
I.13	**Đồng Đăng - Trà Lĩnh, giai đoạn 1 (PPP)**	Cao Bằng	2.302,1	1.410,0	892,1	2.250,7	97,8%	1.410,0	**100,0%**	840,7	94,2%
I.14	**Cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng đoạn qua tỉnh Ninh Bình**	Ninh Bình	**1.871,8**	**1.771,8**	**100,0**	**594,6**	**31,8 %**	**594,6**	**33,6%**		0,0%

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
I.15	**Cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định, Thái Bình (PPP)**		**1.559,4**	**437,6**	**1.121,9**	**1.114,4**	**71,5%**	**437,6**	**100,0%**	**676,9**	60,3%
1	Cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định, Thái Bình (PPP)	Nam Định (Ninh Bình)	221,0	0,0	221,0	151,9	68,7%	0,0	-	151,9	69%
2	Cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng đoạn qua tỉnh Nam Định, Thái Bình (PPP)	Thái Bình (Hưng Yên)	1.338,4	437,6	900,9	962,6	71,9%	437,6	**100,0%**	525,0	58,3%
I.16	**Cao tốc Ninh Bình-Hải Phòng đoạn qua Hải Phòng**	Hải Phòng	**2.110,8**	**2.000,0**	**110,8**	**915,4**	43,4%	**861,5**	**43,1%**	**53,9**	48,7%
I.17	**Gia Nghĩa (Đắk Nông) - Chơn Thành, PPP**	Bình Phước (Đồng Nai)	**1.226,4**		**1.226,4**	**689,0**	**56,2%**		-	**689,0**	56,2%
I.18	**TP. HCM - Mộc Bài (PPP)**		**3.231,0**	**0,0**	**3.231,0**	**2.366,4**	**73,2%**	**0,0**	-	**2.366,4**	73,2%
	- Trên địa bàn TP. HCM	TP. HCM	1.425,0	0,0	1.425,0	659,4	46,3%		-	659,4	46,3%
	- Trên địa bàn tỉnh Tây Ninh	Tây Ninh	1.806,0		1.806,0	1.707,0	94,5%		-	1.707,0	94,5%
I.19	**Cao tốc Hữu Nghị-Chi Lăng (PPP)**	Lạng Sơn	3.007,3	2.200,0	807,3	1.576,0	52,4%	919,5	**41,8%**	656,5	81,3%
I.20	**Cao tốc Dầu Giây-Tân Phú (PPP)**	Bộ Xây dựng	864,0	864,0		841,7	97,4%	841,7	**97,4%**	0,0	-

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
I.21	**Cao tốc Tân Phú - Bảo Lộc (PPP)**	Lâm Đồng	837,8	598,4	239,4	0,0	0,0%		**0,0%**	0,0	0,0%
I.22	**Cao tốc Bảo Lộc - Liên Khương (PPP)**	Lâm Đồng	361,0		361,0	0,0	0,0%		-	0,0	0,0%
I.23	**Cao tốc TP. HCM - Chơn Thành (PPP)**		**1.030,0**	**0,0**	**1.030,0**	**865,0**	**84,0 %**	**0,0**	-	**865,0**	84,0%
	- Trên địa bàn tỉnh Bình Dương	Bình Dương (TP. HCM)	1.030,0	0,0	1.030,0	865,0	84,0%		-	865,0	84,0%
I.24	**Đường Vành đai 4 - TP. Hồ Chí Minh**		**29.590,8**	**12.442,0**	**17.148,8**	**26.568,8**	**89,8%**	**12.442,0**	**100,0%**	**14.126,8**	82,4%
1	Dự án thành phần 1.1	TP. HCM	5.030,0	20,0	5.010,0	4.956,0	98,5%	20,0	100,0%	4.936,0	98,5%
2	Dự án thành phần 1.2	Đồng Nai	2.484,0		2.484,0	2.405,0	96,8%	0,0	-	2.405,0	96,8%
3	Dự án thành phần 1.3	TP. HCM	5.600,0		5.600,0	5.530,0	98,8%	0,0	-	5.530,0	98,8%
4	Dự án thành phần 1.4	Tây Ninh	14.912,8	12.422,0	2.490,8	12.438,3	83,4%	12.422,0	100,0%	16,3	0,7%
5	Dự án thành phần 1.5	TP. HCM	1.518,0		1.518,0	1.201,0	79,1%	0,0	-	1.201,0	79,1%
6	Dự án thành phần 2.1	TP. HCM	10,0		10,0	3,7	37,0%	0,0	-	3,7	37,0%

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
7	Dự án thành phần 2.2	Đồng Nai	24,0		24,0	24,0	100,0 %	0,0	-	24,0	100,0 %
8	Dự án thành phần 2.3	TP. HCM	10,0		10,0	9,6	96,0%	0,0	-	9,6	96,0%
9	Dự án thành phần 2.4	Tây Ninh	1,0		1,0	0,6	62,6%	0,0	-	0,6	62,6%
10	Dự án thành phần 2.5	Tây Ninh	1,0		1,0	0,6	63,6%	0,0	-	0,6	63,6%
I.25	**Đầu tư mở rộng đoạn cao tốc TP. HCM - Long Thành**	VEC	**2.375,0**	**2.375,0**	**0,0**	**2.375,0**	**100,0%**	**2.375,0**	**100,0%**		**-**
I.26	**Cao tốc Mỹ An - Cao Lãnh (Dự án ODA)**	Bộ Xây dựng	**1.213,0**	**1.213,0**	**0,0**	**471,8**	**38,9%**	**471,8**	**38,9%**		**-**
	Vốn trong nước		*104,0*	*104,0*		*63,0*	*60,6%*	*63,0*	*60,6%*		-
	Vốn nước ngoài		*1.109,0*	*1.109,0*		*408,8*	*36,9%*	*408,8*	*36,9%*		-
I.27	**Cao tốc Chợ Mới - Bắc Kạn**	Bộ Xây dựng	**1.518,0**	**1.518,0**		**768,4**	**50,6 %**	**768,4**	**50,6 %**		-
I.28	**Cao tốc Bắc Kạn-Cao Bằng**	Cao Bằng	**4.406,2**	**4.406,2**		**15,3**	**0,3%**	***15,3***	**0,3%**		-
I.29	**Cao tốc Hòa Bình - Mộc Châu (Km0+00 - Km19+00)**	Phú Thọ	*0,7*		*0,7*	0,0	0,0%		-		0,0%
I.30	**Cao tốc Vinh - Thanh Thủy**	Nghệ An	**4.400,0**	**3.800,0**	**600,0**	**3.533,0**	**80,3%**	**3.106,0**	**81,7%**	**427,0**	**71,2%**
I.31	**Cao tốc Quy Nhơn - Pleiku**	Gia Lai	**9.529,9**	**9.100,0**	**429,9**	**9.418,7**	**98,8%**	**8.988,9**	**98,8%**	**429,9**	**100,0%**
I.32	**Cao tốc Cà Mau - Đất Mũi**	Bộ Quốc phòng	**23.907,2**	**23.842,0**	**65,2**	**15.315,2**	**64,1%**	**15.250,0**	**64,0%**	**65,2**	**100,0%**

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
	- Cà Mau - Cái Nước	Bộ Quốc phòng	*13.842,0*	*13.842,0*		*8.150,0*	*58,9%*	*8.150,0*	*58,9%*		-
	- Cái Nước - Đất Mũi	Bộ Quốc phòng	*10.000,0*	*10.000,0*		*7.100,0*	*71,0%*	*7.100,0*	*71,0%*		-
I.33	**Mở rộng cao tốc Bắc – Nam phía Đông theo phương thức PPP**	Bộ Xây dựng	**4,0**	**4,0**		**0,0**	**0,0%**		**0,0%**		**-**
I.34	**Dự án mở rộng đường bộ cao tốc Hòa Lạc - Hòa Bình**	Phú Thọ	**54,0**		**54,0**	**0,0**	**0,0%**		**-**		**0,0%**
I.35	**Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về Thủ đô Hà Nội, trên địa bàn Thành phố Hà Nội**	Hà Nội	**2.049,6**		**2.049,6**	**2.018,1**	**98,5%**	**0,0**	**-**	**2.018,1**	**98,5%**
I.36	**Dự án đường kết nối ra cảng Hòn Khoai**	Bộ Quốc phòng	**7.000,0**	**7.000,0**		**4.619,8**	**66,0%**	**4.619,8**	**66,0%**		**-**
I.37	**Xây dựng đường cao tốc đoạn Hòa Liên - Túy Loan thuộc tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông, thành phố Đà Nẵng**	Bộ Xây dựng	**481,8**	**481,8**		**230,0**	**47,7%**	**230,0**	**47,7%**		**-**
I.38	**Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chơn Thành - Đức Hòa**	Bộ Xây dựng	**190,2**	**190,2**		**70,5**	**37,1%**	**70,5**	**37,1%**		**-**

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
I.39	**Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Chợ Chu - Ngã ba Trung Sơn**	Bộ Xây dựng	**193,2**	**193,2**		**70,2**	**36,4%**	**70,2**	**36,4%**		**-**
I.40	**Đầu tư xây dựng đường Hồ Chí Minh đoạn Rạch Sỏi - Bến Nhất, Gò Quao - Vĩnh Thuận**	Bộ Xây dựng	**990,3**	**990,3**		**258,6**	**26,1%**	**258,6**	**26,1%**		**-**
B	**HÀNG HẢI**		**5.000,0**	**5.000,0**	**0,0**	**3.500,0**	**70,0%**	**3.500,0**	**70,0%**	**0,0**	**-**
	Vốn trong nước		*5.000,0*	*5.000,0*	*0,0*	*3.500,0*	*70,0%*	*3.500,0*	*70,0%*	*0,0*	*-*
	Vốn ngoài nước										*-*
I	**Dự án cảng tổng hợp lưỡng dụng Hòn Khoai**	Bộ Quốc phòng	**5.000,0**	**5.000,0**		**3.500,0**	**70,0%**	**3.500,0**	**70,0%**		**-**
C	**ĐƯỜNG SẮT**		**118.935,6**	**91.024,9**	**27.910,7**	**18.082,7**	**15,2%**	**4.308,2**	**4,7%**	**13.774,5**	**49,4%**
	Vốn trong nước		*114.852,7*	*88.703,5*	*26.149,2*	*16.963,1*	*14,8%*	*3.947,3*	*4,4%*	*13.015,8*	*49,8%*
	Vốn ngoài nước		*4.082,9*	*2.321,4*	*1.761,5*	*1.119,6*	*27,4%*	*360,9*	*15,5%*	*758,8*	*43,1%*
I	**Đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam**	Bộ Xây dựng	**56.846,1**	**56.846,1**		**2.096,8**	**3,7%**	**2.096,8**	**3,7%**		**-**
II	**Đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng**	Bộ Xây dựng	**34.693,4**	**31.855,4**	**2.838,0**	**2.850,5**	**8,2%**	**1.848,7**	**5,8%**	**1.001,8**	**35,3%**
III	**Đường sắt đô thị TP. Hà Nội**		**9.880,6**	**2.323,4**	**7.557,2**	**965,2**	**9,8%**	**362,7**	**15,6%**	**602,4**	**8,0%**
	Vốn trong nước		***7.509,2***	***2,0***	***7.507,2***	***590,6***	***7,9%***	***1,9***	***93,5%***	***588,7***	***7,8%***

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
	Vốn ngoài nước		***2.371,4***	***2.321,4***	***50,0***	***374,6***	***15,8%***	***360,9***	***15,5%***	***13,7***	***27,4%***
1	**Tuyến Cát Linh - Hà Đông**	Bộ Xây dựng	**2,0**	**2,0**	**0,0**	**1,9**	**93,5%**	**1,9**	**93,5%**		**-**
	Vốn trong nước (đối ứng bao gồm GPMB)		2,0	2,0		1,9	93,5%	1,9	93,5%		-
	Vốn ngoài nước		0,0			0,0	0,0%		-		-
2	**Tuyến Nhổn - ga Hà Nội**	Hà Nội	**2.641,4**	**2.321,4**	**320,0**	**602,6**	**22,8%**	**360,9**	**15,5%**	**241,7**	**75,5%**
	Vốn trong nước (đối ứng)		320,0		320,0	241,7	75,5%		-	241,7	75,5%
	Vốn ngoài nước		2.321,4	2.321,4		360,9	15,5%	360,9	15,5%	0,0	-
3	**Tuyến Nam Thăng Long - Trần Hưng Đạo**	Hà Nội	**260,0**	**0,0**	**260,0**	**233,0**	**89,6%**	**0,0**	**-**	**233,0**	**89,6%**
	Vốn trong nước (đối ứng)		260,0		260,0	233,0	89,6%		-	233,0	89,6%
	Vốn ngoài nước		0,0			0,0	0,0%		-	0,0	-
4	**Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT TP. Hà Nội, tuyến số 5, Văn Cao - Ngọc Khánh – Láng - Hoà Lạc**	Hà Nội	**6.590,5**	**0,0**	**6.590,5**	**28,6**	**0,4%**		**-**	**28,6**	**0,4%**
5	**Dự án tuyến ĐSĐT Hà Nội tuyến số 3, đoạn ga Hà Nội - Yên Sở**	Hà Nội	**53,2**	**0,0**	**53,2**	**13,9**	**26,1 %**	**0,0**	**-**	**13,9**	**26,1%**
	Vốn trong nước (đối ứng)		3,2		3,2	0,2	5,2%		-	0,2	5,2%
	Vốn ngoài nước		50,0		50,0	13,7	27,4%		-	13,7	27,4%

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
6	**Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT, ĐSĐT theo mô hình TOD TP. HN, Tuyến 2.2 (Trần Hưng Đạo - Thượng Đình)**	Hà Nội	**27,0**		**27,0**	**2,9**	**10,7%**		**-**	**2,9**	**10,7%**
7	**Dự án đầu tư xây dựng ĐSĐT, ĐSĐT theo mô hình TOD TP. HN, Tuyến 2.3 (Nam Thăng Long - Nội Bài)**	Hà Nội	**50,0**		**50,0**	**3,7**	**7,3%**		**-**	**3,7**	**7,3%**
8	**Chuẩn bị đầu tư xây dựng ĐSĐT, ĐSĐT theo mô hình TOD TP. Hà Nội, Tuyến số 2A kéo dài (Hà Đông - Xuân Mai)**	Hà Nội	**169,0**		**169,0**	**72,3**	**42,8%**		**-**	**72,3**	**42,8%**
9	**Chuẩn bị đầu tư xây dựng ĐSĐT, ĐSĐT theo mô hình TOD TP. Hà Nội, Tuyến số 3 (Trôi - Nhổn và kéo dài đi Sơn Tây)**	Hà Nội	**87,5**		**87,5**	**6,4**	**7,3%**		**-**	**6,4**	**7,3%**
IV	**Đường sắt đô thị TP. Hồ Chí Minh**		**17.515,5**	**0,0**	**17.515,5**	**12.170,2**	**69,5%**	**0,0**	**-**	**12.170,2**	**69,5%**
	Vốn trong nước (đối ứng)		***15.804,0***	***0,0***	***15.804,0***	***11.425,2***	***72,3%***	***0,0***	***-***	***11.425,2***	***72,3%***

STT	TÊN DỰ ÁN	CƠ QUAN CHỦ QUẢN/ CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	KẾ HOẠCH			GIẢI NGÂN ĐẾN HẾT 30/9/2026					
			Tổng số	*Trong đó*		Tổng số		*Trong đó*			
				NSTW	NSĐP	Số vốn	Tỷ lệ	NSTW		NSĐP	
								Số vốn	Tỷ lệ	Số vốn	Tỷ lệ
1	2	3	4=5+6	5	6	7=9+11	8	9	10	11	12
	Vốn ngoài nước		***1.711,5***	***0,0***	***1.711,5***	***745,1***	***43,5%***	***0,0***	***-***	***745,1***	***43,5%***
1	**Tuyến Bến Thành - Suối Tiên**	TP. HCM	**1.995,5**	**0,0**	**1.995,5**	**916,1**	**45,9%**	**0,0**	**-**	**916,1**	**45,9%**
	Vốn trong nước (đối ứng)		284,0		284,0	171,0	60,2%		-	171,0	60,2%
	Vốn ngoài nước		1.711,5		1.711,5	745,1	43,5%		-	745,1	43,5%
2	**Tuyến Bến Thành - Tham Lương**	TP. HCM	**7.500,0**	**0,0**	**7.500,0**	**6.505,5**	**86,7%**	**0,0**	**-**	**6.505,5**	**86,7%**
	Vốn trong nước (đối ứng)		7.500,0		7.500,0	6.505,5	86,7%	0,0	-	6.505,5	86,7%
	Vốn ngoài nước		0,0		0,0	0,0	0,0%	0,0	-	0,0	-
3	**Dự án Tuyến đường sắt Bến Thành - Cần Giờ**	TP. HCM	**7.520,0**		**7.520,0**	**4.505,6**	**59,9%**	**0,0**	**-**	**4.505,6**	**59,9%**
4	**Tuyến số 1: thành phố mới Bình Dương- Suối Tiên**	TP. HCM	**100,0**		**100,0**	**52,9**	**52,9%**	**0,0**	**-**	**52,9**	**52,9%**
5	**Tuyến đường sắt đô thị số 2 (Thành phố Thủ Dầu Một, TP. Hồ Chí Minh)**	TP. HCM	**200,0**		**200,0**	**119,7**	**59,9%**	**0,0**	**-**	**119,7**	**59,9%**
6	**Tuyến 6: Phú Hữu - Bà Quẹo - Vòng xoay Phú Lâm - Phú Hữu**	TP. HCM	**200,0**		**200,0**	**70,5**	**35,2%**	**0,0**	**-**	**70,5**	**35,2%**

Phụ lục IV

KỊCH BẢN TĂNG TRƯỞNG QUÝ IV NĂM 2026 CỦA CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số 312/NQ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2026 của Chính phủ)

Bảng 1: Kịch bản tăng trưởng Quý IV của các ngành, lĩnh vực và cả nước (%)

STT	Tên Ngành	Năm 2026					Cơ quan chủ trì, thực hiện	Đơn vị thực hiện
		6 tháng	Quý III	9 tháng	Kịch bản quý IV	Mục tiêu cả năm		
A	B	1	2	3	4	5		
1	**GDP**	**8,49**	**9,95**	**9,01**	**12,5**	**10,0**		
2	***Phân theo khu vực***	***8,61***	**10,12**	**9,14**	**12,5**	**10,1**		
3	Khu vực I	3,91	4,21	4,02	3,8	4,0		
4	Khu vực II	10,46	12,50	11,21	14,1	12,1		
5	Riêng công nghiệp	10,36	12,18	11,02	13,0	11,6		
6	Khu vực III	8,25	9,54	8,69	13,4	10,0		
7	**Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm**	**7,29**	**7,96**	**7,52**	**13,0**	**9,0**		
8	***Phân theo ngành cấp I***							
9	A. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thuỷ sản	3,91	4,21	4,02	Duy trì tốc độ tăng trưởng phù hợp để phấn đấu đạt mục tiêu cả năm (tối thiểu cần tăng 3,8% và phấn đấu cao hơn)	4,0	Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
10	B. Khai khoáng	7,73	9,47	8,28	Duy trì tốc độ tăng trưởng phù hợp để	5,4	Bộ Công Thương	Các địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp

STT	Tên Ngành	Năm 2026					Cơ quan chủ trì, thực hiện	Đơn vị thực hiện
		6 tháng	Quý III	9 tháng	Kịch bản quý IV	Mục tiêu cả năm		
					phấn đấu đạt mục tiêu cả năm			nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
11	C. Công nghiệp chế biến, chế tạo	10,83	12,28	11,36	14,1	12,2	Bộ Công Thương	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
12	D(35). Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	9,18	13,13	10,62	11,2	10,8	Bộ Công Thương	Các địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
13	E. Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	7,26	7,63	7,40	17,7	10,2	Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Xây dựng	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
14	F. Xây dựng	11,03	14,22	12,22	19,2	14,5	Bộ Xây dựng	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
15	G. Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác	9,59	10,38	9,85	14,6	11,2	Bộ Công Thương	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
16	H. Vận tải kho bãi	10,75	11,62	11,03	15,1	12,1	Bộ Công Thương, Bộ Xây dựng	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
17	I. Dịch vụ lưu trú và ăn uống	8,28	9,84	8,83	22,9	12,6	Bộ Văn hóa, Thể thao và	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà

STT	Tên Ngành	Năm 2026					Cơ quan chủ trì, thực hiện	Đơn vị thực hiện
		6 tháng	Quý III	9 tháng	Kịch bản quý IV	Mục tiêu cả năm		
							Du lịch, Bộ Công Thương	nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
18	J. Thông tin và truyền thông	7,86	8,89	8,21	Duy trì tốc độ tăng trưởng phù hợp để phấn đấu đạt mục tiêu cả năm (tối thiểu cần tăng 5,8% và phấn đấu cao hơn)	7,6	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
19	K. Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	8,96	10,27	9,45	15,7	11,4	Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
20	L. Hoạt động kinh doanh bất động sản	4,89	5,63	5,15	15,1	8,2	Bộ Xây dựng	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
21	M. Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	8,24	11,03	9,23	15,2	10,9	Bộ Khoa học và Công nghệ	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
22	N. Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	8,77	11,95	9,73	21,3	12,4	Các bộ, cơ quan, địa phương	Các bộ, cơ quan, địa phương
23	O. Hoạt động của Đảng Cộng sản, tổ chức chính trị - xã hội, quản lý nhà nước, an ninh, quốc	-1,26	4,68	0,75	16,9	6,1	Các bộ, cơ quan, địa phương	Các bộ, cơ quan, địa phương

STT	Tên Ngành	Năm 2026					Cơ quan chủ trì, thực hiện	Đơn vị thực hiện
		6 tháng	Quý III	9 tháng	Kịch bản quý IV	Mục tiêu cả năm		
	phòng; bảo đảm xã hội bắt buộc							
24	P. Giáo dục và đào tạo	8,00	8,51	8,17	Duy trì tốc độ tăng trưởng phù hợp để phấn đấu đạt mục tiêu cả năm (tối thiểu cần tăng 6,2% và phấn đấu cao hơn)	7,6	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
25	Q. Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	7,97	9,08	8,39	Duy trì tốc độ tăng trưởng phù hợp để phấn đấu đạt mục tiêu cả năm (tối thiểu cần tăng 4,0% và phấn đấu cao hơn)	7,1	Bộ Y tế	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao
26	R. Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	10,11	10,31	10,17	16,2	11,9	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các bộ, địa phương, tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ được giao

Bảng 2: Kịch bản tăng trưởng của các địa phương trong quý IV năm 2026

TT	Tỉnh/Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Tốc độ tăng trưởng GRDP 09 tháng (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Yêu cầu tăng trưởng quý IV (%)
1	TP. Hồ Chí Minh	23,30	9,06	10,2	13,23
2	Hà Nội	12,40	8,85	11,0	16,55
3	Hải Phòng	5,70	12,08	13,00	15,39
4	Đồng Nai	5,30	10,01	10,00	Duy trì tốc độ tăng trưởng để đạt mục tiêu cả năm (tối thiểu cần đạt 9,98% và phấn đấu cao hơn)
5	Bắc Ninh	4,10	11,81	12,5	14,37
6	Phú Thọ	3,20	10,01	11	13,50
7	Quảng Ninh	2,90	12,54	13	14,24
8	Lâm Đồng	2,80	8,51	10,00	12,87
9	Tây Ninh	2,70	10,30	10-10,5	Duy trì tốc độ tăng trưởng để đạt mục tiêu cả năm (tối thiểu cần đạt 9,34% và phấn đấu cao hơn)
10	Ninh Bình	2,70	11,31	11	Duy trì tốc độ tăng trưởng để đạt mục tiêu cả năm (tối thiểu cần đạt 10,19% và phấn đấu cao hơn)
11	Thanh Hóa	2,60	8,54	11	17,10
12	Hưng Yên	2,50	11,22	11-12	12,14
13	Đà Nẵng	2,50	10,31	>= 11,00	13,61
14	Cần Thơ	2,40	7,89	10,07	16,08
15	An Giang	2,30	9,23	10,71	14,95
16	Đồng Tháp	2,20	7,44	8,21	10,36
17	Vĩnh Long	2,20	7,32	10,0	17,25
18	Gia Lai	2,10	8,03	8,8-9,4	11,33

TT	Tỉnh/Thành phố	Tỷ trọng tổng GRDP cả nước 2025 (%)	Tốc độ tăng trưởng GRDP 09 tháng (%)	Mục tiêu cả năm (%)	Yêu cầu tăng trưởng quý IV (%)
19	Nghệ An	1,90	9,75	10,5-11,5	14,51
20	Đắk Lắk	1,80	8,22	10,02	13,62
21	Khánh Hòa	1,60	11,21	10,2	Duy trì tốc độ tăng trưởng để đạt mục tiêu cả năm (tối thiểu cần đạt 7,47% và phấn đấu cao hơn)
22	Thái Nguyên	1,50	11,24	11	Duy trì tốc độ tăng trưởng để đạt mục tiêu cả năm (tối thiểu cần đạt 10,35% và phấn đấu cao hơn)
23	Quảng Ngãi	1,50	9,16	9,0	Duy trì tốc độ tăng trưởng để đạt mục tiêu cả năm (tối thiểu cần đạt 8,59% và phấn đấu cao hơn)
24	Cà Mau	1,30	7,37	10	16,70
25	Lào Cai	1,10	9,09	10,1	12,66
26	Quảng Trị	1,00	8,42	10,6	16,64
27	Hà Tĩnh	0,90	12,36	10,43	Duy trì tốc độ tăng trưởng để đạt mục tiêu cả năm (tối thiểu cần đạt 5,4% và phấn đấu cao hơn)
28	Sơn La	0,70	5,59	8	13,85
29	Tuyên Quang	0,70	8,04	10,17	15,04
30	Huế	0,70	8,72	>=10	13,72
31	Lạng Sơn	0,50	7,52	10,61	18,41
32	Lai Châu	0,30	9,62	10	11,16
33	Điện Biên	0,30	9,81	11,02	13,97
34	Cao Bằng	0,20	7,96	10	14,86